CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH XÂY LẮP

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP. HCM (SAIGON PETRO CO.,LTD)

Hạng mục : Cải tạo nhà bơm, lắp bơm và gia công tuyến ống từ bồn T8B,C,F đến sàn cấp phát

Địa điểm : NMLD Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm Quyết định 231 /QĐ-DK-VTXDCB ngày 06 / 03/2026)

Chủ đầu tư
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP. HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Q.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH

Dương Văn Khanh

Phát hành ngày07/04/2026

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH
(SAIGON PETRO CO., LTD.)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o()o-----

THÔNG BÁO MỜI THẦU

1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP. HCM (Saigon Petro Co., Ltd.) tổ chức chào hàng cạnh tranh xây lắp :

Công trình : Cải tạo nhà bơm, lắp bơm và gia công tuyến ống từ bồn T8B,C,F đến sàn cấp phát

Địa điểm : NMLD Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Tp. HCM

2. Thời gian thi công quy định tối đa là **45 ngày** (không bao gồm ngày lễ)

3. Saigon Petro trân trọng kính mời: Quý Công ty tham dự chào hàng cạnh tranh xây lắp **hạng mục nêu trên**. Quý công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin tại:

Phòng Quản lý Vật tư & XDCB
Địa chỉ : Phòng 305 - 27 Nguyễn Thông - Quận 3 - Tp. HCM,
Điện thoại: (08)39.307 991, Fax (08) 39304 653

4. Phát hành HSYC miễn phí từ **ngày** 07/04/**2026 đến trước 10 giờ 00 ngày** 14/04/**2026**.

5. Khảo sát hiện trường: Bên mời thầu sẽ tổ chức hướng dẫn tham quan hiện trường (phương tiện các nhà thầu tự túc) vào lúc **09 giờ 00 ngày** 09 **tháng** 04 **năm 2026** tại địa điểm **NMLD Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh**, do **Anh Minh** hướng dẫn – **ĐT : 0982870272**, sau đó giải đáp các câu hỏi của các nhà thầu.

7. Hồ sơ đề xuất phải được niêm phong và chuyển đến Phòng Quản lý Vật tư & XDCB thuộc Saigon Petro trước **10 giờ 00 phút ngày** 14/04/**2026** (thời điểm đóng thầu), kèm theo bảo đảm dự thầu (nộp tại Saigon Petro) với giá trị **20,000,000 đồng (Hai mươi triệu đồng).**

8. Dự kiến Hồ sơ đề xuất sẽ được mở vào khoảng **10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút ngày** 14/04/**2026** tại Phòng họp của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM: số 27 Nguyễn Thông – Phường Xuân Hòa – Tp. HCM.

9. Mọi sự thay đổi dữ kiện mời thầu (nếu có) Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM sẽ thông báo bằng văn bản gửi đến các đơn vị dự thầu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Chủ đầu tư là bên mời thầu đối với gói thầu này
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu : Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: **Cải tạo nhà bơm, lắp bơm và gia công tuyến ống từ bồn T8B,C,F đến sàn cấp phát**

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM.

3. Loại hợp đồng: **theo đơn giá cố định**. Hợp đồng sẽ được thanh toán theo khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu với đơn giá hợp đồng.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: **45 ngày** (không bao gồm ngày lễ)

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật;

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất *trước thời điểm đóng thầu 3 ngày làm việc*. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn trước thời điểm đóng thầu 3 ngày làm việc.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSĐX, bên mời thầu có thể gia hạn thời

điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC.

3. Khảo sát hiện trường

Nhà thầu sẽ được khảo sát thực tế tại Nhà máy Cát Lái Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định P.Thạnh Mỹ Lợi Tp.Thủ Đức theo thông báo mời thầu trong HSYC. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. **Mọi sai sót, rủi ro do nhà thầu không tham dự khảo sát thì nhà thầu tự chịu trách nhiệm.**

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng cạnh tranh.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu;

3. Bảo đảm dự thầu bằng tiền mặt hoặc Thư bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;

4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định của HSYC;

5. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu;

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột "Mô tả công việc mời thầu" tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSĐX hoặc nộp riêng song **phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu**. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX và được mở đồng thời cùng HSĐX của nhà thầu; **trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSĐX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.**

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ ***các chi phí vận chuyển vật tư, biện pháp thi***

công, dọn dẹp mặt bằng, thí nghiệm, hoàn công,... và các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nói trên thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSĐX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức tiền mặt.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **20,000,000 đồng** (*Bằng chữ : Hai mươi triệu đồng*)

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **70 ngày**.

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu, chủ đầu tư.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của HSYC.

Mục 10. Quy cách HSĐX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị **01 bản gốc cùng 01 bản chụp** HSĐX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT".

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSĐX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSĐX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ".

2. Túi đựng HSĐX, HSĐX sửa đổi, HSĐX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSĐX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. **Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến**

kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSĐX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSĐX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSĐX của tất cả nhà thầu nộp HSĐX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC (nếu có) khi HSĐX được tiếp nhận. **Trường hợp nhà thầu nộp HSĐX sau thời điểm đóng thầu thì HSĐX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu**.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSĐX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSĐX thì nhà thầu nộp HSĐX thay thế hoặc HSĐX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSĐX của các nhà thầu trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu tại địa điểm bên mời thầu trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSĐX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSĐX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSĐX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. **Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;**

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSĐX nào khi mở thầu, trừ các HSĐX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự

thầu.

Mục 13. Làm rõ HSĐX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của bên mời thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà thầu phụ

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách nhà thầu phụ theo Mẫu số 07a Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. **Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 49% giá chào của nhà thầu.**

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: không áp dụng.

Mục 16. Đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSĐX; HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSĐX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSĐX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSĐX, giữa các nội dung khác nhau trong HSĐX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSĐX (nếu có);

c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSĐX, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSĐX kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá chào;

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro., Ltd.) áp dụng Điểm b) Khoản 2 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội và các nội dung trong Hồ sơ yêu cầu này để xem xét, đánh giá và lựa chọn nhà thầu.

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 07 ngày làm việc

nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này. Trường hợp nhà thầu sử dụng Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 9 Chương V theo quy định của chủ đầu tư.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 21. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM

Địa chỉ : 27 Nguyễn Thông P.Xuân Hòa Tp.HCM

ĐT : 02839307991. Fax : 02839307642 – Gửi Phòng QLVT-XDCB.

Mục 22. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ nêu trên.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;

đ) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;

i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu nộp bản cam kết theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu để chứng minh nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Đã từng thi công công trình tương tự trong môi trường kho xăng dầu có nguy cơ cháy nổ cao (kể cả là nhà thầu phụ)	*Có hợp đồng và biên bản nghiệm thu công trình.*	Đạt
	Không có hợp đồng	Không đạt
2.2. Nhân sự dự kiến cho vị trí chỉ huy trưởng công trường (đã từng tham gia có quy mô tương tự và lớn hơn)	*Có và kèm hồ sơ chứng minh*	Đạt
	Không có	Không đạt
2.3. Danh sách công nhân lành nghề	*Có danh sách theo yêu cầu*	Đạt
	Không có	Không đạt
2.4. Danh mục các máy móc trong thi công dân dụng (máy cắt thép, máy hàn, máy trộn bê tông,..) phù hợp gói thầu, sở hữu hoặc thuê	*Có danh sách theo yêu cầu*	Đạt
	Không có	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn 2.1, 2.2, 2.3 và 2.4 được xác định là đạt.	***Đạt***
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	***Không đạt***

Nhà thầu có HSĐX được đánh giá là **Đạt**, sẽ đánh giá tiếp về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Các yêu cầu cơ bản

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Biện pháp tổ chức kỹ thuật tháo dỡ, đấu nối, vận chuyển, gia công, lắp đặt,…	Có biện pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công và công trình hiện hữu.	Đạt
	Có biện pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện, tiến độ thi công và công trình hiện hữu.	Không đạt
3.2. Thời gian thi công: đảm bảo không quá 45 ngày	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 45 ngày.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 45 ngày.	Không đạt
3.3. Biện pháp an toàn lao động, PCCC và vệ sinh môi trường	Có biện an toàn lao động, PCCC và vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động, PCCC và vệ sinh môi trường hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn 3.1, 3.2 và 3.3 được xác định là đạt.	***Đạt***
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	***Không đạt***

Nhà thầu có HSĐX được đánh giá là **đạt**, sẽ đánh giá tiếp về giá tại mục 4.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSĐX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSĐX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Tên dự án (nếu có): _____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà thầu]*, MST _*[Ghi mã số thuế của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu ____*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản

hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày(4), kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ (5).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(6)
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải bao gồm thuế VAT, cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, **không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện** gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của _ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại _ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu], MST _[Ghi mã số thuế của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho _ *[Ghi tên, số CCCD, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu _ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án (nếu có)_ *[Ghi tên dự án]* do Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] (2)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____(3). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH(1)

_____, ngày . tháng _ năm _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____*[Ghi tên dự án]*

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* phát hành ngày___*[ghi ngày được ghi trên HSYC];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại, số fax_____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế: _____
Giấy ủy quyền số _____ ngày____tháng _____năm _____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu___*[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án _____ *[Ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác _____ *[Ghi rõ hình thức xử lý khác]*.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án _____ *[Ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau [(3)]:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	MST	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh			
2	Tên thành viên thứ 2			
....	....			
Tổng cộng			**Toàn bộ công việc của gói**	

		thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mẫu số 04a

THƯ BẢO LÃNH DỰ THẦU
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông quận 3, TP.HCM.
(sau đây gọi là "Bên mời thầu")

Căn cứ vào việc Công ty ..... Mã số thuế ..... địa chỉ.....(sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự đấu thầu gói thầu.....

Chúng tôi, Ngân Hàng :
Chi nhánh :
Địa chỉ :
(sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng cam kết với Bên mời thầu bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự đấu thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ..... (Bằng chữ:.....).

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên trong vòng 5 (năm) ngày làm việc khi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và

- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên mời thầu yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trong đó thông báo Nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong Hồ sơ mời thầu mà không cần chứng minh hay giải thích.

Bảo lãnh này có hiệu lực ngày phát hành đến hết giờ làm việc ngày .....tháng ..... năm..... (sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực").

Trách nhiệm của Ngân hàng chúng tôi trong Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn ở số tiền ..... (Bằng chữ:.....) và trong thời hạn hiệu lực nêu trên. Sau thời hạn nêu trên, thư bảo lãnh này sẽ tự động không còn giá trị hiệu lực dù cho bản gốc Thư bảo lãnh này có được gửi trả lại cho Ngân hàng chúng tôi hay không.

Trong thời hạn hiệu lực trên, Thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này phải được gửi đến Ngân hàng trước hoặc chậm nhất vào ngày hết hiệu lực nêu trên.

Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[*Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.*

Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).

Mẫu số 05

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Bên mời thầu sẽ đưa ra bảng tiên lượng phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công đính kèm HSYC này. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu không nói rõ thì sẽ được hiểu đã bao gồm các loại thuế và phí theo quy định.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**Hạng mục A**			
	...			
II	**Hạng mục B**			

	...			
	Tổng cộng			

Ghi chú :

+ Đơn giá chào phải bao gồm thuế VAT 8%, nhà thầu không nói gì về thuế VAT thì được hiểu đã bao gồm VAT.

+ Đơn giá bê tông đã bao gồm công tác ván khuôn, khung chống giàn giáo nếu có.

+ Đơn giá chào là đơn giá khoán gọn gồm tất cả các thành phần công việc liên quan để thi công hoàn chỉnh công việc, bao gồm : giá vật tư (kể cả chi phí vận chuyển, hao hụt), giá máy thi công, giá nhân công, kho tàng, lán trại tạm, văn phòng làm việc, lợi nhuận, chi phí quản lý của nhà thầu và toàn bộ các loại thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế vốn, ...), **chi phí biện pháp thi công, chi phí kiểm định, chi phí thí nghiệm theo thiết kế và TCVN, chi phí dọn dẹp hoàn trả mặt bằng trước và sau khi thi công,** các loại bảo hiểm mà nhà thầu phải chịu quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

+ Nhà thầu có thể tính toán kiểm tra lại khối lượng, thành phần công việc chào thầu dựa trên Hồ sơ thiết kế và Bảng tiên lượng mời thầu. Trường hợp căn cứ vào hồ sơ thiết kế nhà thầu phát hiện có công tác, khối lượng nào đó thừa, bị thiếu hoặc không có so với Bảng Tiên lượng mời thầu, thì khi lập giá dự thầu nhà thầu có bảng diễn giải bổ sung riêng. Công tác hoặc khối lượng chênh lệch này nếu thực sự cần thiết và hợp lý sẽ được bên mời thầu xem xét trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.

Mẫu số 06

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT(1)

1.	Vị trí công việc: *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
	Tên: *[ghi tên nhân sự chủ chốt]*
2.	Vị trí công việc: *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
	Tên: *[ghi tên nhân sự chủ chốt]*
...	Vị trí công việc
	Tên

Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

Mẫu số 07a

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ(1)

STT	Tên nhà thầu phụ[2]	Phạm vi công việc[3]	Khối lượng công việc[4]	Giá trị % ước tính[5]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)[6]
1					
2					
…					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

Mẫu số 08

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____*[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*
Tên gói thầu: _____*[Ghi tên gói thầu*

Kính gửi: Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm hồ sơ yêu cầu do Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. HCM phát hành, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà thầu], MST* _____*[Ghi mã số thuế của nhà thầu]*, cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu _____*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy định liên quan về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:
Gói thầu Cải tạo nhà bơm, lắp bơm và gia công tuyến ống từ bồn T8B,C,F đến sàn cấp phát tại NMLD Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp.Hồ Chí Minh bao gồm các trình tự cơ bản sau :

+ Cung cấp vật tư, thi công hoàn chỉnh tuyến ống công nghệ nhập/xuất của bồn T8C và đồng thời thi công kết nối chung với hệ thống các tuyến ống công nghệ nhập/xuất của bồn T8B và T8F (ngoại trừ một số thiết bị: Bộ lọc tinh 8"; bơm 120 m3/h (2 bộ), bơm Husky (1 bộ)).
+ Thực hiện mọi phép thử nghiệm, kiểm tra mối hàn, vệ sinh bàn giao và lập hồ sơ, tài liệu kỹ thuật các loại vật tư, ống, phụ kiện ống, bán thành phẩm ống đã gia công.
+ Làm sạch bề mặt ống và các phụ kiện ống công nghệ đạt ST2 và sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ, mỗi lớp dày 40 micron.
+ Chịu chi phí về nghiệm thu, kiểm tra, thí nghiệm để hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (nếu có).
+ Phối hợp đồng bộ, chặc chẽ với GSTC của phòng QLKT&SX và kỹ thuật của NMLD Cát Lái để sắp xếp thời gian tháo dỡ, đấu nối ống liên hoàn nhằm không ảnh hưởng đến việc nhập xuất hàng của các bồn T8B, T8F, các bồn xăng dầu lân cận, tạm dừng thi công theo yêu cầu của NM, Tổ giám sát của Saigon Petro và tiến độ công trình.
+ Nhà thầu thi công theo các tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo được thể hiện trong Hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu, yêu cầu kỹ thuật thi công được phê duyệt. Nhà thầu phải chấp nhận thi công khi có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của phòng QLKT&SX của Saigon Petro để đảm bảo việc thi công được an toàn, đúng theo nhu cầu sử dụng thực tế tại hiện trường.

2. Chủ đầu tư : Công ty TNHH một thành viên dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro Co.;Ltd).
3. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu : Quyết định số .231./QĐ-DK-VTXDCB ngày .06./03./2026.
4. Địa điểm và điều kiện thi công :
- Địa điểm : Nhà máy lọc dầu Cát Lái – 990 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp.Hồ Chí Minh.
- Điều kiện thi công : *Do đặc thù của công trình nằm trong Nhà máy Cát Lái nên Nhà thầu cần **đảm bảo an toàn tuyệt đối về phòng chống cháy nổ** theo Quy định của Nhà máy Cát Lái. Có biện pháp, tiến độ thi công rõ ràng và thỏa thuận với Nhà máy Cát Lái và giám sát Chủ đầu tư trước khi thi công. Ngoài ra, phải đảm bảo việc thi công không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Chủ đầu tư, các biện pháp đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, các điều kiện an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, tránh ảnh hưởng đến các công trình lân cận và ảnh hưởng đến tiến độ hay cản trở việc thi công của hạng mục công trình có liên quan. Nhà máy Cát Lái có nguồn điện, nước sẽ hỗ trợ cho Nhà thầu với **đơn giá điện, nước theo quy định của Saigon Petro**, Nhà thầu tự trang bị dây và đồng hồ có kiểm định đấu nối để sử dụng, chi phí sử dụng điện, nước này sẽ phải thanh toán với Chủ đầu tư trước khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Việc Saigon Petro cung cấp điện nước cho Nhà thầu là không bắt buộc do đó trong trường hợp Saigon Petro không thể cung cấp điện nước, Nhà thầu phải chủ động tự cung cấp tránh ảnh hưởng đến tiến độ đã cam kết. Các điều kiện khác nhà thầu tìm hiểu thêm khi khảo sát hiện trường.*

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ

Thời gian thi công tối đa là: **45 ngày (không bao gồm chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày khởi công.**

Nhà thầu phải lập bảng tiến độ thi công chi tiết rõ ràng đối với gói thầu tham dự, có tính khả thi và phù hợp tiến độ thi công tối đa nêu trên của công trình.

Mục 3. Biện pháp thi công

Công tác tổ chức thi công ngoài việc tuân thủ theo tiêu chuẩn, qui phạm do Nhà nước ban hành, còn phải lưu ý thêm các vấn đề sau :

- Nhà thầu phải tuân thủ tuyệt đối về an toàn lao động và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thi công.

- Do công trình được xây dựng trong khu vực gần bồn xăng dầu nên Nhà thầu thi công phải tuân thủ tuyệt đối về an toàn PCCC.

- Tổ chức thi công hợp lý đảm bảo an toàn thông suốt cho các phương tiện giao thông. Không gây ách tắc, không làm ảnh hưởng, hư hỏng cơ sở hạ tầng của khu vực: đường giao thông, không ảnh hưởng đến công trình xung quanh, đảm bảo trật tự an ninh, an toàn PCCC trong suốt thời gian từ ngày khởi công cho đến khi bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Lưu ý: Việc gia công các bán thành phẩm (ống, phụ kiện ống,…) đòi hỏi phải đảm bảo chính xác, tối ưu, phối hợp đồng bộ, chặc chẽ với GSTC của phòng QLKT&SX và kỹ thuật của NMLD Cát Lái để sắp xếp thời gian tháo dỡ, đấu nối ống liên hoàn toàn bộ hệ thống công nghệ nhằm không ảnh hưởng đến việc nhập xuất hàng của các bồn T8B, T8F, các bồn xăng dầu lân cận, tạm dừng thi công theo yêu cầu của NM, Tổ giám sát của Saigon Petro và tiến độ công trình.

Mục 4. Yêu cầu về vệ sinh môi trường

Nhà thầu tập kết các nguyên vật liệu, máy móc thiết bị gọn gàng, đúng vị trí theo hướng dẫn của cán bộ PCCC và cán bộ giám sát của Chủ đầu tư.

Các phương tiện cơ giới lớn phục vụ thi công: máy đào đất, máy bơm bê tông, các xe bê tông thương phẩm, vận chuyển vật tư không được để rơi vãi trên đường giao thông.

Dọn dẹp vệ sinh tổng mặt bằng trước khi bàn giao công trình.

Mục 5. Yêu cầu về kỹ thuật

- Tuân thủ Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu của Bộ Xây dựng ban hành.
- Nghị định số 06/2021/NĐ–CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Các tiêu chuẩn, quy phạm của Nhà nước và nước ngoài được áp dụng trong nội dung "Yêu cầu kỹ thuật thi công" gồm:

Stt	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
1	Tổ chức thi công	TCVN 4055–2012
2	Thiết bị áp lực - Mối hàn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 6008-2010
3	Thi công nghiệm thu các công tác nền móng	TCXD 79–1980
4	Nghiệm thu các công trình xây dựng	TCVN 4091–1985
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN 356–2005
6	Đường ống chính dẫn dầu và sản phẩm dầu. Nghiệm thu chạy thử	TCVN 4606–1988
7	Standards of pipes and Fittings (Tiêu chuẩn ANSI/ASME về ống và phụ kiện ống)	ASME/ANSI B16
8	Welded and seamless steel pipe (Ống thép hàn và ống thép đúc)	ASME/ANSI B36.10M
9	ASME Section IX PART QW WELDING (Tiêu chuẩn	

	hàn)	

Và các tiêu chuẩn Việt nam khác quy định về các điều kiện kỹ thuật, an toàn, PCCC, … liên quan đến phạm vi thi công gói thầu này.

Ngoài ra còn có các yêu cầu kỹ thuật khác như sau :

1. Nhà thầu thỏa thuận với giám sát Chủ đầu tư và Nhà máy kế hoạch, tiến độ, biện pháp thi công thi công.
2. Nhà thầu tuân thủ mọi hướng dẫn của Nhà máy đối với vị trí tập kết thiết bị vật tư, đường vận chuyển thiết bị vật tư, giới hạn diện tích thi công, khu vực gia công, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy nói riêng và của Chủ đầu tư nói chung.
3. Nhà thầu phải hiểu rõ điều kiện thi công thực tế, chấp nhận việc đôi khi phải điều chỉnh thời gian thi công do yêu cầu của Chủ đầu tư.
4. Các thiết bị điện, nước (đồng hồ, dây dẫn,...) phải được Nhà máy kiểm tra, chấp thuận về mặt an toàn và mức độ tin cậy.
5. Mọi công tác gia công thép sử dụng máy cắt, hàn,... phải có kế hoạch và được Nhà máy Cát Lái chấp thuận, 100% thời gian thi công lửa hở có mặt giám sát Chủ đầu tư và cán bộ PCCC của Nhà máy Cát Lái.
6.Tất cả các mẫu vật liệu và thiết bị được thi công, lắp đặt vào công trình phải có tiêu chuẩn chất lượng và chủng loại tối thiểu đáp ứng Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật thi công và hồ sơ mời thầu. Vật tư, thiết bị sử dụng có xuất xứ rõ ràng, phù hợp với định mức và thực tế thi công. Mọi sự thay đổi về chủng loại vật tư, thiết bị phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế bằng văn bản.
7.Trường hợp cần thiết phải đưa vào công trình một số vật tư thiết bị khác mẫu đã quy định, nhà thầu phải thử mẫu, cung cấp kết quả thử mẫu cho Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế để xem xét quyết định.

Mục 6. Các bản vẽ

STT	Tên bản vẽ	Kí hiệu / ngày phát hành
1	Mặt bằng tổng thể tháo dỡ tuyến ống xuất nhập bồn T8C	1/10 20/03/2026
2	Mặt bằng tổng thể sau khi cải tạo tuyến ống xuất nhập bồn T8C	2/10 20/03/2026
3	Mặt bằng tổng thể tháo dỡ và sau cải tạo tuyến xuất bồn T8F	3/10 20/03/2026
4	Mặt bằng tổng thể tuyến xuất nhập bồn T8C	4/10 20/03/2026
5	Mặt bằng tổng thể từ nhà bơm đến sàn cấp phát sau khi lắp đặt	5/10 20/03/2026
6	Mặt bằng, mặt cắt nền và đế móng bơm	6/10 20/03/2026

7	Isometric các tuyến ống xuất nhập bồn T8B,C,F	7/10 20/03/2026
8	Isometric tuyến ống cụm bơm A09 làm mới	8/10 20/03/2026
9	Isometric tuyến ống xuất từ bơm ra sàn 1,2,3	9/10 20/03/2026
10	Isometric tuyến ống xuất ra sàn 1,2,3	10/10 20/03/2026
11	Isometric lắp bình tách nước và tuyến ống bồn T8C	1/1 20/03/2026
12	Chi tiết Bình lấy mẫu bồn T8C	1/1 20/03/2026

Mục 7. Tiên lượng mời thầu

STT	HẠNG MỤC CÔNG TÁC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
A	**Cải tạo nhà bơm A08**			
1	Khối lượng bê tông đá 1x2 M200	m^3	1,62	
2	CCLD cốt thép	Kg	112,79	
3	CCLD bu long neo Ø18, L=400mm	Bộ	12,00	
4	Khoan lỗ Ø12 cấy thép bằng sika 731	Lỗ	80,00	
B	**Quy hoạch các tuyến ống**			
I	**THÁO DỠ VỀ KHO NMCL HOẶC TẬN DỤNG**			
	ống 12"	m	44,00	bv 1/10
	ống 8"	m	25,00	bv1,4/10
II	**CCLD ống mới**			**B cấp**
1	CCLD Ống thép đúc (API pipes Sch 40)			B cấp
	Ống 12" tận dụng	m	40,50	tận dụng cũ A cấp (bv 7/10)
	Ống 10"	m	4,20	bv 7/10
	Ống 8"	m	40,00	bv 7,8/10
	Ống 6"	m	211	bv 8,9/10
	Ống 6" tận dụng	m	104	tận dụng cũ A cấp (bv 9/10)
	Ống 4"	m	68,55	bv 8,9,10/10
	Ống 2"	m	2,00	bv 8/10
2	CCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 90 deg, Sch 40			B cấp
	10"	cái	1,00	bv 7/10
	8"	cái	8,00	bv 7,8/10

	6"	cái	17,00	bv 8,9/10
	4"	cái	24,00	bv 8,10/10
	2"	cái	1,00	bv 8/10
	1/2" lắp ren	cái	2,00	bv 8/10
3	CCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) 45 deg, Sch 40			B cấp
	8"	cái	3,00	bv 7/10
	6"	cái	8,00	bv 8/10
4	CCLD Mặt bích -lắp với ống hệ ANSI 150, Sch40			B cấp
	12"	cái	7,00	bv 7,10/10
	10"	cái	2,00	bv 7/10
	8"	cái	19,00	bv 7,8/10
	6"	cái	101,00	bv 8,9/10
	4"	cái	75,00	bv 8,9,10/10
	3"	cái	2,00	bv 8/10
	2"	cái	3,00	bv 8/10
5	CCLD Mặt bích mù -lắp với ống hệ ANSI 150, Sch40			B cấp
	12"	cái	3,00	bv 7/10
	8"	cái	2,00	bv 8/10
	8" tận dụng	cái	1,00	tận dụng A cấp
	6"	cái	4,00	bv 8/10
	4"	cái	1,00	bv 8/10
	2"	cái	1,00	bv 8/10
6	CCLD Gioăng (GASTKET), Tombo 1935 dày 3mm			B cấp
	12"	cái	7,00	bv 7/10
	10"	cái	2,00	bv 7/10
	8"	cái	16,00	bv 7,8/10
	6"	cái	85,00	bv 8,9/10
	4"	cái	54,00	bv 8,10/10
	3"	cái	2,00	bv 8/10
	2"	cái	3,00	bv 8/10
7	GCLD Nối rẽ cổ áo (Tees), Sch40			
	8"-8"-8"	cái	1,00	tê cấy, bv 8/10
	8"-6"-8"	cái	9,00	tê cấy, bv 8/10
	8"-4"-8"	cái	1,00	tê cấy, bv 8/10
	8"-2"-8"	cái	1,00	tê cấy, bv 8/10
	6"-4"-6"	cái	22,00	tê cấy, bv 8,9/10
	4"-4"-4"	cái	6,00	tê cấy, bv 8,10/10
	4"-1/2"-4"	cái	2,00	tê cấy, bv 8/10
	2"-1/2"-2"	cái	1,00	tê cấy, bv 8/10

	1/2"-1/2"-1/2"	cái	2,00	tê ren, B cấp
8	CCLD Van cổng (gate valve), van thép			B cấp
	Van cổng 6"	cái	9,00	bv 8/10
	Van cổng 4"	cái	10,00	bv 8/10
	Van cổng 2"	cái	1,00	bv 8/10
	Van 1 chiều 4"	cái	2,00	bv 8/10
	Van bi tay gạt lắp ren 1/2"	cái	4,00	bv 8/10
	Van lọc Y 6"	cái	4,00	bv 8/10
9	CCLD Giảm lệch tâm, Sch 40			B cấp
	6"-4"	cái	2,00	
10	CCLD Giảm đồng tâm, Sch 40			B cấp
	8"-6"	cái	4,00	bv 8/10
	4"-3"	cái	2,00	bv 8/10
11	GCLD bộ lọc tinh 8"	bộ	2,00	A cấp (Tapetco)
12	CCLD ống mềm inox 1/2" dài 10m	cái	1,00	B cấp
14	CCLD đồng hồ đo áp suất 0-20 kg/cm2 (1/2" lắp ren)	cái	2,00	B cấp
15	CCLD nối ren trong 1/2"(Coupling)	cái	2,00	B cấp
16	CCLD ống 1/2" (ren 2 đầu ống l = 200mm)	cái	10,00	B cấp
17	CCLD Thép hình U120x52x4.8mm	kg	131,90	B cấp, bv 9/10
18	CCLD Ubolt M12 ống 6"	bộ	24,00	B cấp, bv 9/10
19	CCLD Bu-lông			B cấp
	M22x100 (bích 12, 10)	bộ	72,00	
	M20x90 (bích 8")	bộ	128,00	
	M18x80 (bích 6")	bộ	680,00	
	M16x70 (bích 4",3)	bộ	448,00	
	M14x60 (bích 2")	bộ	12,00	
20	GCLD Bơm công suất 120m3/h	cái	2,00	A cấp
21	Thử áp ống sau gia công (16kg/cm²)			
	12"	m	40,50	
	10"	m	4,20	
	8"	m	40,00	
	6"	m	315,00	
	4"	m	68,55	
	2"	m	2,00	
22	Thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt với áp lực (16kg/cm²)	Toàn bộ	1,00	
23	Làm sạch bề mặt các kết cấu thép đạt tiêu chuẩn ST2	m2	278,18	
24	Sơn 02 lớp chống rỉ, 02 lớp phủ. Chiều dày trung bình mỗi lớp sơn là 40micron	m2	278,18	B cấp
C	**BÌNH LẤY MẪU BỒN T8C**			
1	CCLD Bình lấy mẫu D760mm, SUS 304	bộ	1	B cấp

2	GCLD Bơm Husky	bộ	1	A cấp
3	CCLD ống đúc, Sch 40.			B cấp
	Ống 2" - SUS304.	m	0,2	
	Ống1"1/2 - SUS304.	m	4,15	
	Ống 1" - SUS304.	m	4,5	
	Ống 3/4" - SUS304.	m	0,93	
4	CCLD mặt bích lắp với ống hệ ANSI 150			B cấp
	Bích 50A - JIS 10K (lắp ống 2") - SUS304.	Cái	2	
	Bích 40A - JIS 10K (lắp ống 1"1/2) - SUS304.	Cái	1	
	Bích 25A - JIS 10K (lắp ống 1") - SUS304.	Cái	3	
5	CCLD Khớp nối khuỷu (Elbows) - ASTM-A312-Sch40			B cấp
	Co 1"-90, SUS 304	Cái	2	
	Co 1"1/2-90, SUS 304	Cái	1	
	Co 3/4"-90, SUS 304	Cái	2	
6	CCLD Khớp nối giảm (Reducer) - ASTM-A312-Sch40			B cấp
	Giảm 2"-1"1/2, SUS 304	Cái	1	
	Giảm 1"1/2-1", SUS 304	Cái	1	
	Giảm 1"-3/4", SUS 304	Cái	1	
7	CCLD Nối rẽ cổ áo (Tees) - ASTM-A312-Sch40			B cấp
	Tee 1"-1"-1", SUS 304	Cái	1	
	Tee 1"1/2-1"1/2-1"1/2, SUS 304, nối bằng ren	Cái	1	
	Tee 1"-3/4"-1", SUS 304	Cái	1	
8	CCLD Rắc-co-nhông (Union) 3000#			B cấp
	1"-SUS 304	Cái	1	
10	CCLD Van bi (Ball vavle) lắp ren.			B cấp
	Van 25 A (1")-SUS 304	Cái	1	
	Van 15 A (1/2")-SUS 304	Cái	1	
11	CCLD van cửa (Gate vavle), lắp bích tiêu chuẩn JIS 10K			B cấp
	Van 50 A (2")-SUS 304	**Cái**	**1**	
12	CCLD van một chiều (check vavle).lắp bích tiêu chuẩn JIS 10K			B cấp
	Van 25 A (1")-SUS 304	Cái	1	
13	CCLD Nút bịt (Plug) lắp ren			B cấp
	Bịt van 25A (1") -SUS 304	Cái	3	
14	CCLD đầu ren ống (gia công ren trên ống)			B cấp
	Ống 2 dầu ren 1" L=200	Ống	1	
	Ống 1 dầu ren 1" L=200	Ống	8	
	Ống 1 dầu ren 1/2" L=200	Ống	1	
	Ống 1 dầu ren 2" L=100	Ống	1	
15	CCLD gioăng (Gatket)-Tombo 1935, dày 3mm			B cấp
	Gatsket 2"	Cái	2	
	Gatsket 1"1/2	Cái	2	
	Gatsket 1"	Cái	2	

16	CCLD bu-lông (Bolt)			B cấp
	M14x60, 8.8 (lắp bích 2",1" và 1"1/2)	bộ	28	
17	CCLD thép hình V63x63x6 L=1650	Kg	9,792	B cấp
18	Xây gạch thẻ quanh thành nền bê tông	m^3	1	
19	Trát tường vữa M75 dày 2cm	m2	1,2	
20	Bê tông đá 1x2, M200	m^3	1	
21	CCLD ống nhựa Bình Minh D34	m	0,3	B cấp
22	CCLD van nhựa Bình Minh D34	Cái	2	B cấp

Ghi chú : *Toàn bộ vật tư do bên B cấp, bên A chỉ cấp bơm, bộ lọc tinh 8" và một số ống tận dụng.*

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____
Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]
Địa điểm: _____ [Ghi tên địa điểm]
- Căn cứ ___ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11];
- Căn cứ ____ [Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025];
- Căn cứ___[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ Quyết định số ___ngày __tháng __năm __của __về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ___[Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ___ngày ___tháng ___năm ____ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)
Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Fax:
E-mail:
Tài khoản:
Mã số thuế:
Đại diện là ông/bà:
Chức vụ:
Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

II.Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)
Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Fax:
E-mail:
Tài khoản:
Mã số thuế:
Đại diện là ông/bà:
Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
5. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong HSYC, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán : chuyển khoản.

b) Phương thức và điều kiện thanh toán :

- Sau khi ký hợp đồng xây lắp, nhà thầu phải nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho gói thầu trúng thầu bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng theo quy định của Bên A tại Mẫu số 10 Chương V (**bằng 2-3% giá trị hợp đồng**). Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào khối lượng hoàn thành của từng công đoạn kỹ thuật mà tạm ứng cho nhà thầu, chủ đầu tư chỉ chấp nhận tạm ứng cho nhà thầu không quá 80% giá trị khối lượng đã thực hiện, sau khi có xác nhận khối lượng của cán bộ giám sát kỹ thuật và đại diện chủ đầu tư.
- Bên A sẽ tạm ứng đợt 1: 30% giá trị hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hợp đồng được ký kết và Nhà thầu đệ trình : Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Hợp đồng và Bảo lãnh tạm ứng bằng chứng thư ngân hàng có giá trị bằng 30% giá trị hợp đồng.
- Bảo lãnh tạm ứng phải phát hành bởi Ngân hàng việt Nam theo mẫu quy định của Saigon Petro. Chủ đầu tư không chấp nhận thư bảo lãnh tạm ứng không đúng nội dung nêu trong Hợp đồng với bất kỳ lý do nào.
- Thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh tạm ứng được tính từ thời điểm Nhà thầu đề nghị tạm ứng cho đến thời điểm sau 7 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành 80% khối lượng thi công tại công trường có sự xác nhận của Giám sát Chủ đầu tư và giá trị này phải lớn hơn hoặc bằng giá trị mà Chủ đầu tư đã tạm ứng đợt 1 cho bên B.
- Tại thời điểm 7 ngày trước khi hết hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng mà Chủ đầu tư chưa nhận được đầy đủ bang nghiệm thu khối lượng nêu trên thì Nhà thầu bắt buộc phải gia hạn bảo lãnh tạm ứng này. Trong trường hợp Nhà thầu không chấp nhận gia hạn hoặc làm bảo lãnh tạm ứng mới thay thế, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Ngân hàng phát hành chi trả số tiền đã bảo lãnh.

- Các giai đoạn tạm ứng tiếp theo được căn cứ vào các điểm dừng kỹ thuật và khối lượng hoàn thành từng công đoạn kỹ thuật. **Chủ đầu tư sẽ tạm ứng 80% giá trị khối lượng mà Nhà thầu đã thực hiện (có khấu trừ tạm ứng đợt 1) khi có Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành của Giám sát Chủ đầu tư.**
- Thời gian thanh toán tạm ứng không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ nghiệm thu thanh toán do Nhà thầu lập và Giám sát Chủ đầu tư xác nhận.
- Chủ đầu tư thanh toán đạt 95% giá trị thực hiện sau khi Nhà thầu hoàn tất hồ sơ hoàn công, bàn giao cho Chủ đầu tư và hai bên hoàn tất xong các thủ tục quyết toán, **5% còn lại sẽ được thanh toán sau khi hết hạn bảo hành. Hoặc thanh toán 100% giá trị thực hiện nếu nhà thầu cung cấp một chứng thư bảo lãnh bảo hành hợp lệ theo quy định của SP tại Mẫu số 11 Chương V trị giá 5% giá trị thực hiện.**

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: tối đa **45 ngày** (không bao gồm ngày lễ).

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

a. Điều chỉnh phát sinh tăng nếu :

- Trong quá trình thi công có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư dẫn tới thay đổi khối lượng so với dự toán ban đầu làm tăng khối lượng thi công. Những thay đổi này phải được chủ đầu tư chấp thuận.
- Khối lượng thi công thực tế theo đúng thiết kế cao hơn khối lượng dự toán hợp đồng.
- Căn cứ để quyết toán giá trị điều chỉnh phát sinh là:

a. Đơn giá của Dự toán thi công, Hồ sơ dự thầu.

b. Căn cứ Thông báo giá của Liên Sở TCVG - XD tại thời điểm phát sinh.

c. Căn cứ giá đã thỏa thuận của bên A và bên B theo đơn giá, định mức Nhà nước và các qui định về hệ số nhân công, máy thi công, trực tiếp phí khác, chi phí chung, lợi nhuận, lán trại của nhà nước tại thời điểm phát sinh trong trường hợp đơn giá không có trong điểm a và b nêu trên.

b. Điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau:

- Những phần việc mà bên B thi công không đảm bảo chất lượng.
- Khối lượng công tác được thay đổi không thực hiện, hoặc không cần thực hiện theo yêu cầu của bên A.
- Khối lượng thi công thực tế thấp hơn khối lượng dự toán hợp đồng.
- Giá trị giảm căn cứ khối lượng nghiệm thu thực tế, đơn giá áp dụng đơn giá trong dự toán hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: ngay sau khi hợp đồng được ký kết, chủ đầu tư sẽ trả lại bảo đảm dự thầu sau khi nhà thầu thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: *tiền mặt hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: *Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ **2%-3%** giá hợp đồng.*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B khi Quyết toán.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật thi công và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

- Thời gian bảo hành công trình là 12 tháng, tính từ ngày nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành Bên B có trách nhiệm sửa chữa ngay những hư hỏng do lỗi của Bên B (khi có yêu cầu của Bên A).

- Trong trường hợp quá 21 ngày mà Bên B chưa thực hiện công tác sửa chữa kể từ ngày có thông báo chính thức của Bên A, Bên A có quyền sử dụng hoàn toàn tiền bảo đảm bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa.

Quá trình bảo hành công trình tuân thủ theo các TCVN có liên quan đến phạm vi công trình, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và các văn bản sửa đổi, thay thế liên quan.

Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành và luật PCCC hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, giám sát, Nhà máy và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết ở tòa án kinh tế.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 03 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày____tháng_____năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 05 trong Mẫu HSYC này]

Mẫu số 09

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông quận 3, TP.HCM.

Căn cứ Hợp đồng số ..... ngày ..... (sau đây gọi là "Hợp đồng") được ký giữa Công ty..... Mã số thuế.....trụ sở đặt tại ..... (sau đây gọi là "Bên được bảo lãnh") và Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (sau đây gọi là "Bên nhận bảo lãnh") về việc .....

Căn cứ theo yêu cầu của Bên được bảo lãnh về việc phát hành Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng nói trên.

Chúng tôi: NGÂN HÀNG.....

Chi nhánh :

Địa chỉ :

(sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng cam kết chấp nhận thanh toán vô điều kiện cho Bên nhận bảo lãnh số tiền tối đa bằng:.....(bằng chữ:.....) ngay khi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và
- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên nhận bảo lãnh yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà không cần chứng minh hoặc giải thích, chỉ cần Bên nhận bảo lãnh nêu rằng Bên được bảo lãnh đã không hoàn thành nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo điều khoản và điều kiện của Hợp đồng.

Giá trị bảo lãnh sẽ được giảm trừ tương ứng với số tiền mà Bên được bảo lãnh phải bồi thường và/hoặc bị phạt do vi phạm Hợp đồng nêu trên mà Bên được bảo lãnh đã thanh toán cho Bên nhận bảo lãnh.

Thời điểm giảm trừ giá trị bảo lãnh là thời điểm Ngân hàng nhận được bản gốc văn bản của Bên nhận bảo lãnh được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp và được đóng dấu hợp pháp của Bên nhận bảo lãnh xác nhận về giá trị bảo lãnh được giảm trừ.

Bảo lãnh này sẽ chấm dứt hiệu lực vào lúc kết thúc giờ làm việc của Ngân hàng chúng tôi vào một trong hai ngày sau đây tùy theo ngày nào đến sớm hơn ("Ngày hết hạn"):

(i) Ngày _____

(ii) Ngày mà Ngân hàng nhận được thông báo của Bên nhận bảo lãnh rằng Bên được bảo lãnh và/hoặc Ngân hàng đã thanh toán các khoản phạt và bồi thường cho Bên nhận bảo lãnh theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh được quy định trong Thư bảo lãnh này. *Nghĩa vụ thanh toán được hoàn thành khi tiền đã vào tài khoản của Bên nhận bảo lãnh.*

Trong thời hạn hiệu lực trên, Thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

Trách nhiệm của Ngân hàng chúng tôi trong Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn trong số tiền ..... trong thời hạn hiệu lực nêu trên. Sau thời hạn nêu trên, Thư bảo lãnh này sẽ tự động không còn giá trị hiệu lực dù cho thư bảo lãnh này có được gửi trả lại cho chúng tôi hay không.

Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Bên nhận bảo lãnh và các chứng từ khác liên quan đến Thư bảo lãnh này phải nhận được tại được trụ sở của Ngân hàng ..... trước hoặc vào 16 giờ Ngày hết hiệu lực nêu trên.

Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.
Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).]

Mẫu số 10

THƯ BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông quận 3, TP.HCM.

Căn cứ các điều khoản, điều kiện hợp đồng số ..... ký ngày ..... (sau đây gọi là "Hợp đồng") giữa Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (sau đây gọi là "Bên nhận bảo lãnh") và Công ty .....Mã số thuế.....địa chỉ .....(sau đây gọi là "Bên được bảo lãnh").

Theo đề nghị của Bên được bảo lãnh,

Chúng tôi, Ngân Hàng :
Chi nhánh :
Địa chỉ :
(sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng đồng ý cấp cho Bên được bảo lãnh thư bảo lãnh vô điều kiện này và cam kết trong thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh này sẽ trả cho Bên nhận bảo lãnh một khoản tiền là: ..... VNĐ (Ghi bằng chữ: ..... Việt Nam Đồng) ("Số tiền bảo lãnh") trong vòng năm (5) ngày làm việc khi chúng tôi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và
- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên nhận bảo lãnh yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà không cần chứng minh hay giải thích, chỉ cần Bên nhận bảo lãnh nêu rằng:

a) Bên được bảo lãnh không trả lại số tiền tạm ứng theo các điều kiện của Hợp đồng,
b) Số tiền mà Bên được bảo lãnh đã không hoàn trả.

Giá trị bảo lãnh sẽ được giảm trừ tương ứng với số tiền tạm ứng được quy định trong thư Bảo lãnh này mà Bên được bảo lãnh phải hoàn trả do vi phạm Hợp đồng đã được thanh toán bởi Bên được bảo lãnh cho Bên nhận bảo lãnh.

Thời điểm giảm trừ giá trị bảo lãnh là thời điểm Ngân hàng nhận được bản gốc văn bản của Bên nhận bảo lãnh được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp và được đóng dấu hợp pháp của Bên nhận bảo lãnh xác nhận về giá trị bảo lãnh được giảm trừ.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân hàng chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này sẽ có hiệu lực khi số tiền tạm ứng là ..... quy định theo Hợp đồng được chuyển khoản vào tài khoản của Bên được bảo lãnh số ..... tại ..... Trách nhiệm của

Ngân hàng chúng tôi sẽ giới hạn trong số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh tạm ứng cho Bên được bảo lãnh vào tài khoản của Bên được bảo lãnh tại Ngân hàng chúng tôi nhưng không vượt quá Số tiền bảo lãnh.

Bảo lãnh này sẽ chấm dứt hiệu lực vào lúc kết thúc giờ làm việc của Ngân hàng chúng tôi vào một trong hai ngày sau đây tùy theo ngày nào đến sớm hơn ("Ngày hết hạn"):

(i) Ngày _____

(ii) Ngày mà Ngân hàng nhận được thông báo của Bên nhận bảo lãnh rằng Bên được bảo lãnh và/hoặc Ngân hàng đã hoàn trả hết số tiền tạm ứng liên quan đến Thư bảo lãnh này cho Bên nhận bảo lãnh. *Nghĩa vụ thanh toán được hoàn thành khi tiền đã vào tài khoản của Bên nhận bảo lãnh.*

Trong thời hạn trên, Thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Bên nhận bảo lãnh và các chứng từ khác liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được nhận bởi Ngân hàng chúng tôi trước hoặc chậm nhất vào Ngày hết hạn. Sau Ngày hết hạn nêu trên, thư bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực cho dù bản chính thư bảo lãnh này có được trả cho Ngân hàng hay không.

Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.
Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).]

Mẫu số 11

THƯ BẢO LÃNH BẢO HÀNH
(với Nhà thầu, Nhà cung cấp)

Kính gửi : CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HCM
(SAIGON PETRO CO.,LTD)
Địa chỉ 27 Nguyễn Thông quận 3, TP.HCM.
(sau đây gọi là "Bên nhận bảo lãnh")

Căn cứ Hợp đồng số .....ngày ..... được ký kết giữa Qúy Công ty và Công ty..... Mã số thuế.....địa chỉ.....(sau nay được gọi là "Bên được bảo lãnh") về việc .....

Căn cứ yêu cầu của Bên được bảo lãnh về việc phát hành thư bảo lãnh bảo hành cho hợp đồng nói trên.

Chúng tôi: NGÂN HÀNG .....

Chi nhánh :

Địa chỉ :

(Sau đây gọi là "Ngân hàng")

Ngân hàng cam kết thanh toán cho Bên nhận bảo lãnh số tiền tối đa bằng :.....(bằng chữ:.....) trong vòng năm (5) ngày làm việc ngay sau khi nhận được :

- Bản gốc Thư bảo lãnh này; và
- Bản chính văn bản đầu tiên của Bên nhận bảo lãnh yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà không cần chứng minh hay giải thích cho yêu cầu của mình, miễn là trong đó nêu rằng Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ....., (sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực"). Trong thời hạn hiệu lực trên, thư bảo lãnh này sẽ không được hủy ngang, thay đổi nội dung, tu chỉnh nếu không có văn bản đồng ý của Bên nhận bảo lãnh (Trừ trường hợp xin gia hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).

Trách nhiệm của Ngân hàng chúng tôi trong bảo lãnh này chỉ giới hạn trong số tiền .....và trong thời hạn hiệu lực nêu trên. Sau Ngày hết hiệu lực, Thư bảo lãnh này sẽ tự động không còn giá trị dù bản chính thư bảo lãnh này có được gửi lại cho chúng tôi hay không.

Mọi yêu cầu, khiếu nại của Bên nhận bảo lãnh liên quan đến bảo lãnh này phải được nhận bởi Ngân hàng trước hoặc chậm nhất vào Ngày hết hiệu lực nêu trên.

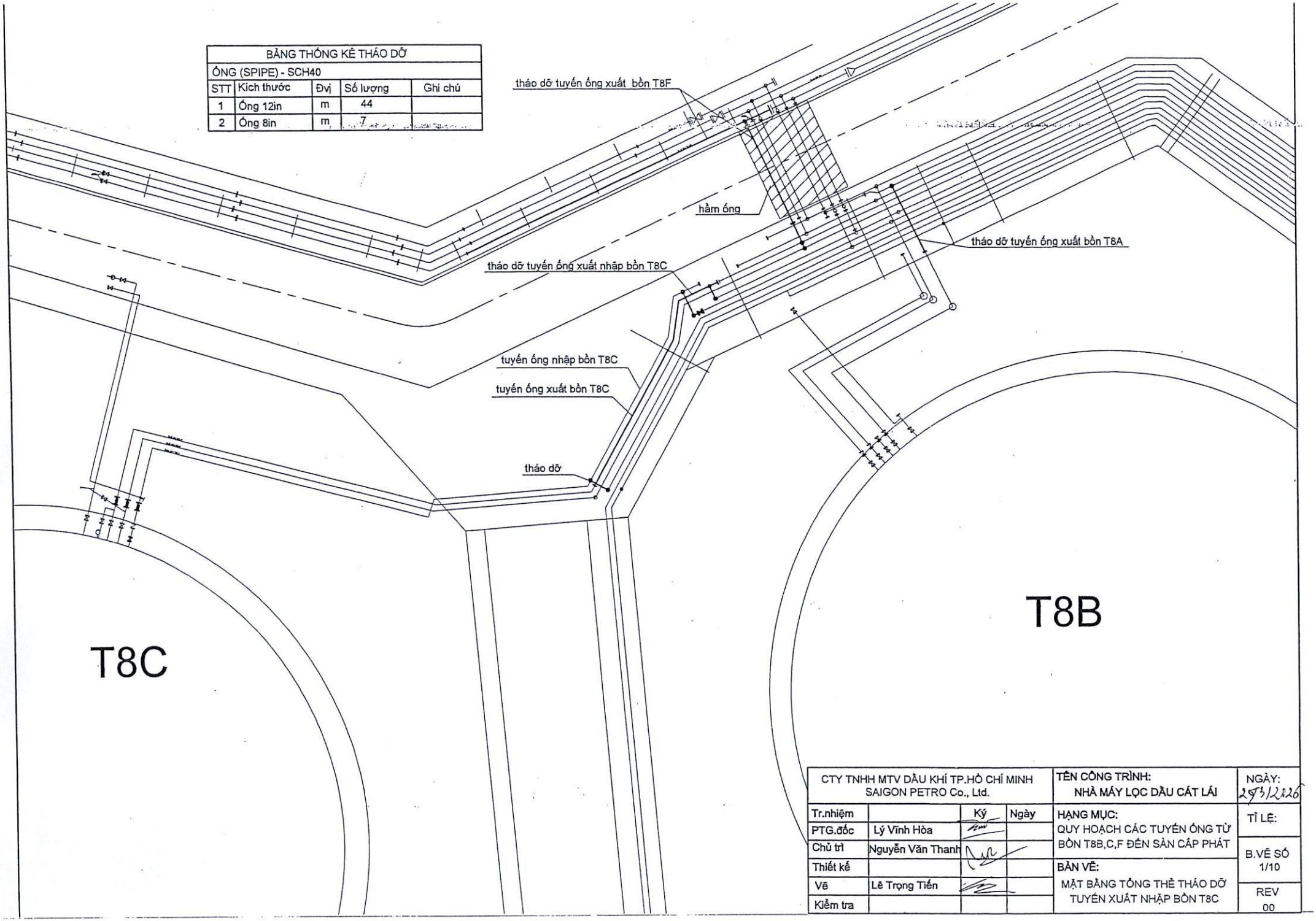
Thư bảo lãnh này độc lập với Thư Bảo Lãnh khác và tuân theo Luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[*Lưu ý ngân hàng phải đính kèm thư bảo lãnh gửi cho bên nhận bảo lãnh hồ sơ ủy quyền của người đại diện pháp luật ngân hàng + mức phán quyết (nếu là Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh ký); nếu phó giám đốc, sở giao dịch, chi nhánh ký theo sự ủy quyền lại từ giám đốc sở giao dịch, CN thì phải kèm theo văn bản đồng ý cho ủy quyền lại của người đại diện pháp luật của ngân hàng + mức phán quyết của người đại diện.*

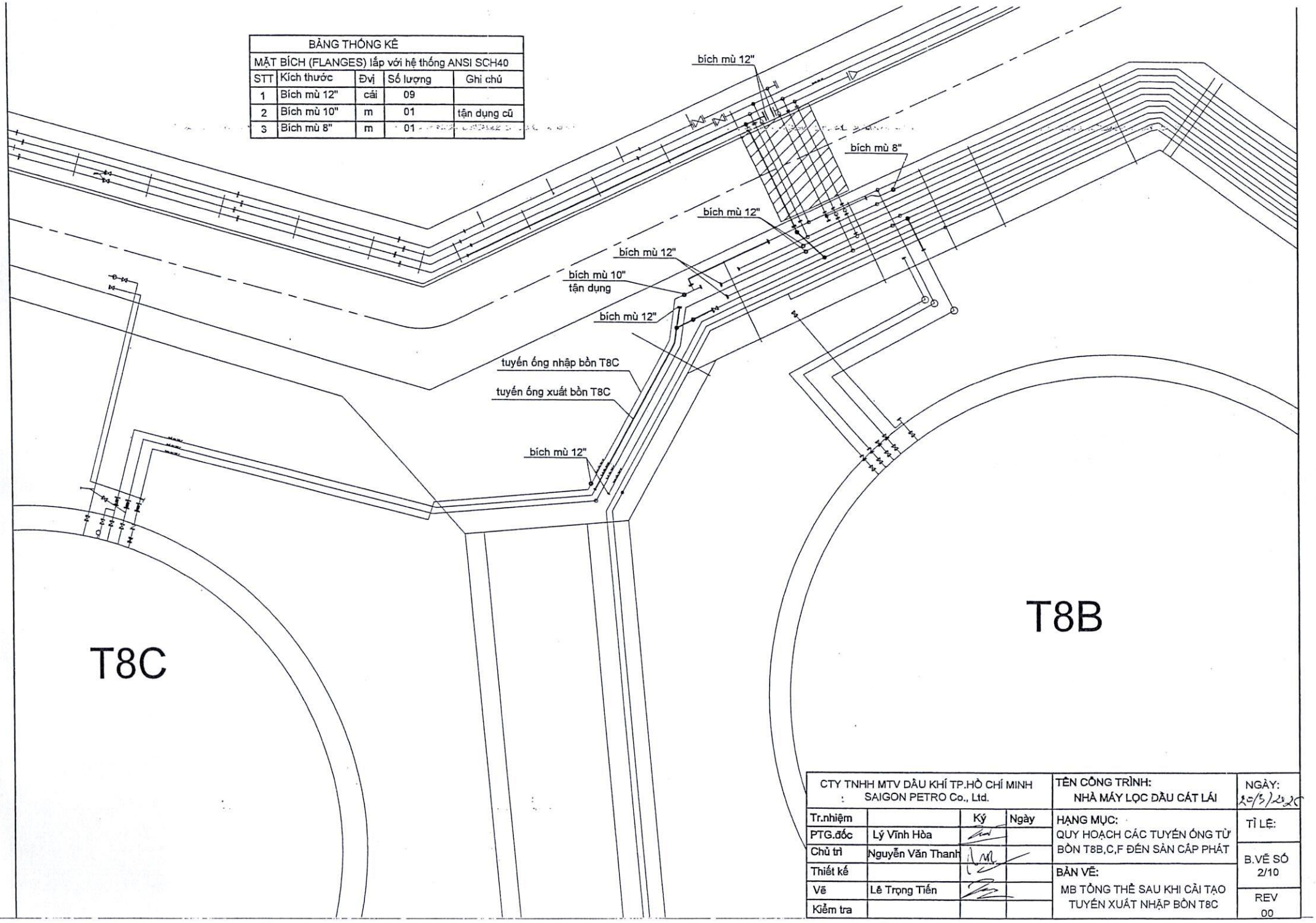
Người đại diện pháp luật của ngân hàng được quy định trong điều lệ ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng (không phải của chi nhánh).]

BẢNG THỐNG KÊ THÁO DỠ				
ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 12in	m	44	
2	Ống 8in	m	7	

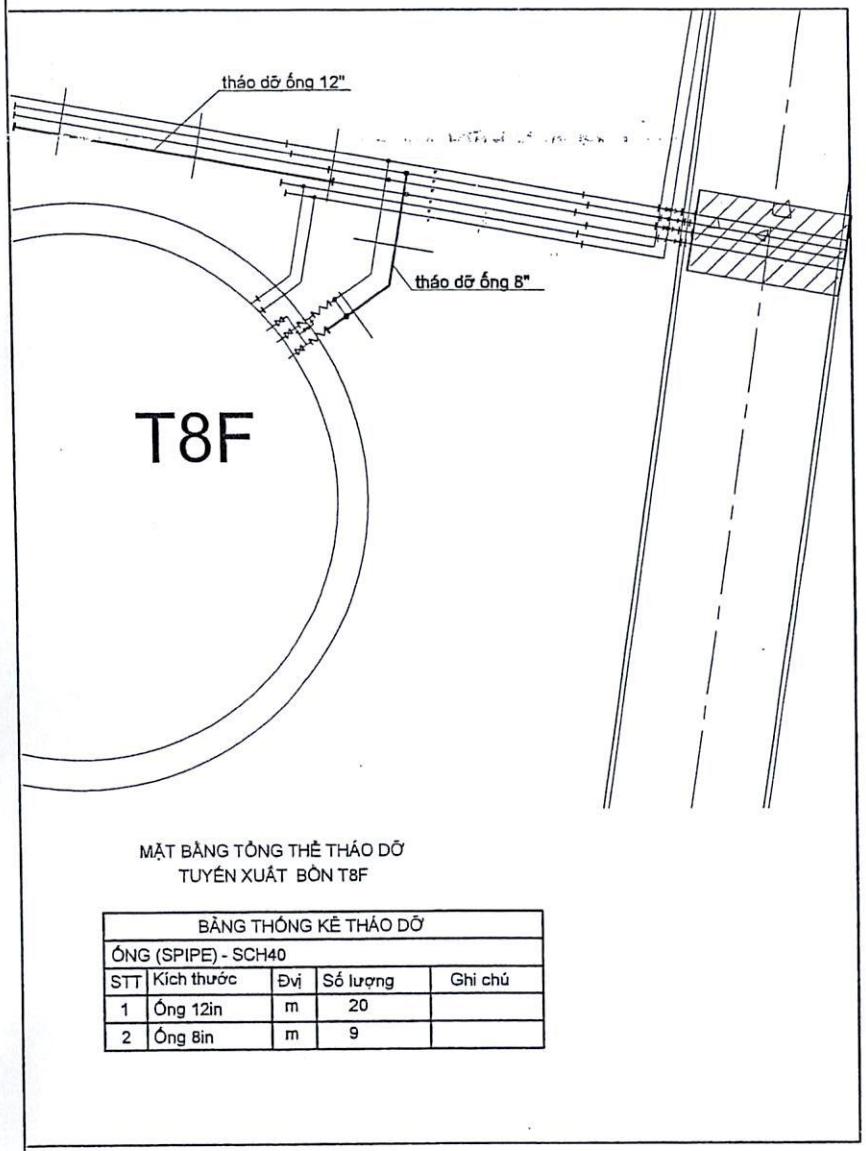


CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 29/12/2020
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				B.VẼ SỐ 1/10
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ THÁO DỠ TUYẾN XUẤT NHẬP BỒN T8C	
Thiết kế					
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					

BẢNG THỐNG KÊ				
MẶT BÍCH (FLANGES) lắp với hệ thống ANSI SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Bích mù 12"	cái	09	
2	Bích mù 10"	m	01	tận dụng cũ
3	Bích mù 8"	m	01	

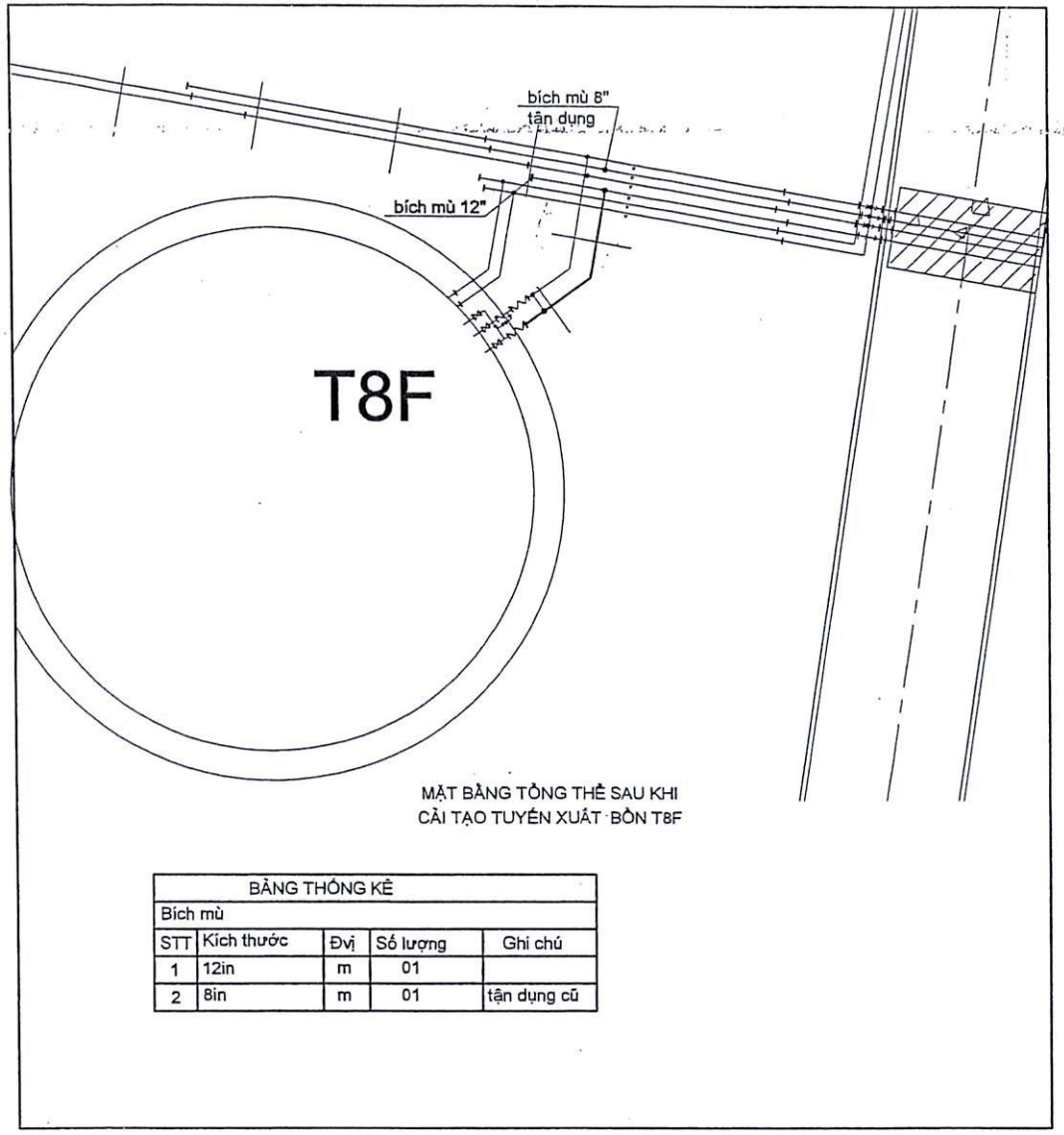


CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 20/3/2020
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				B.VẼ SỐ 2/10
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: MB TỔNG THỂ SAU KHI CẢI TẠO TUYẾN XUẤT NHẬP BỒN T8C	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THÁO DỠ
TUYẾN XUẤT BỒN T8F

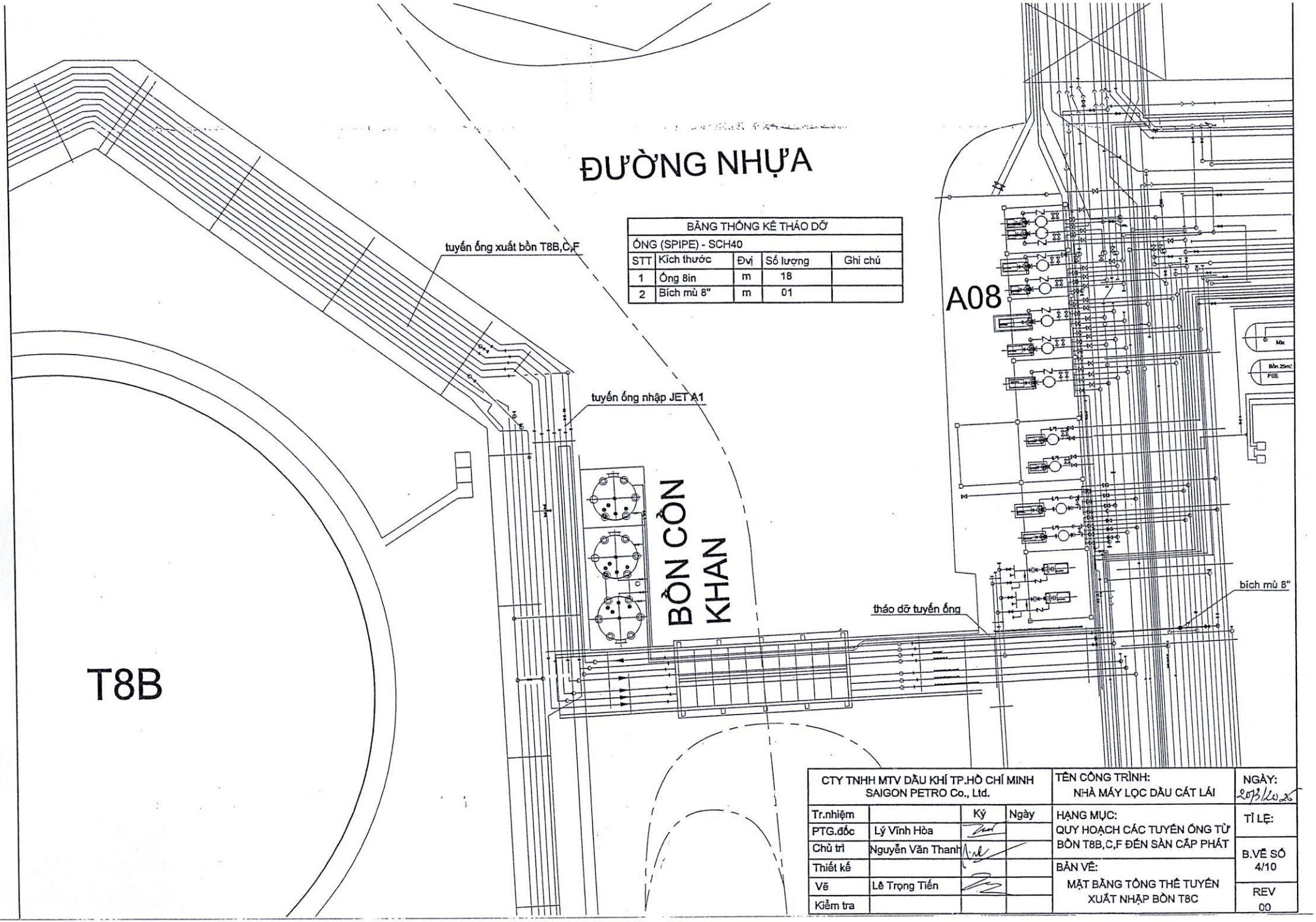
BẢNG THỐNG KÊ THÁO DỠ				
ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 12in	m	20	
2	Ống 8in	m	9	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ SAU KHI
CẢI TẠO TUYẾN XUẤT BỒN T8F

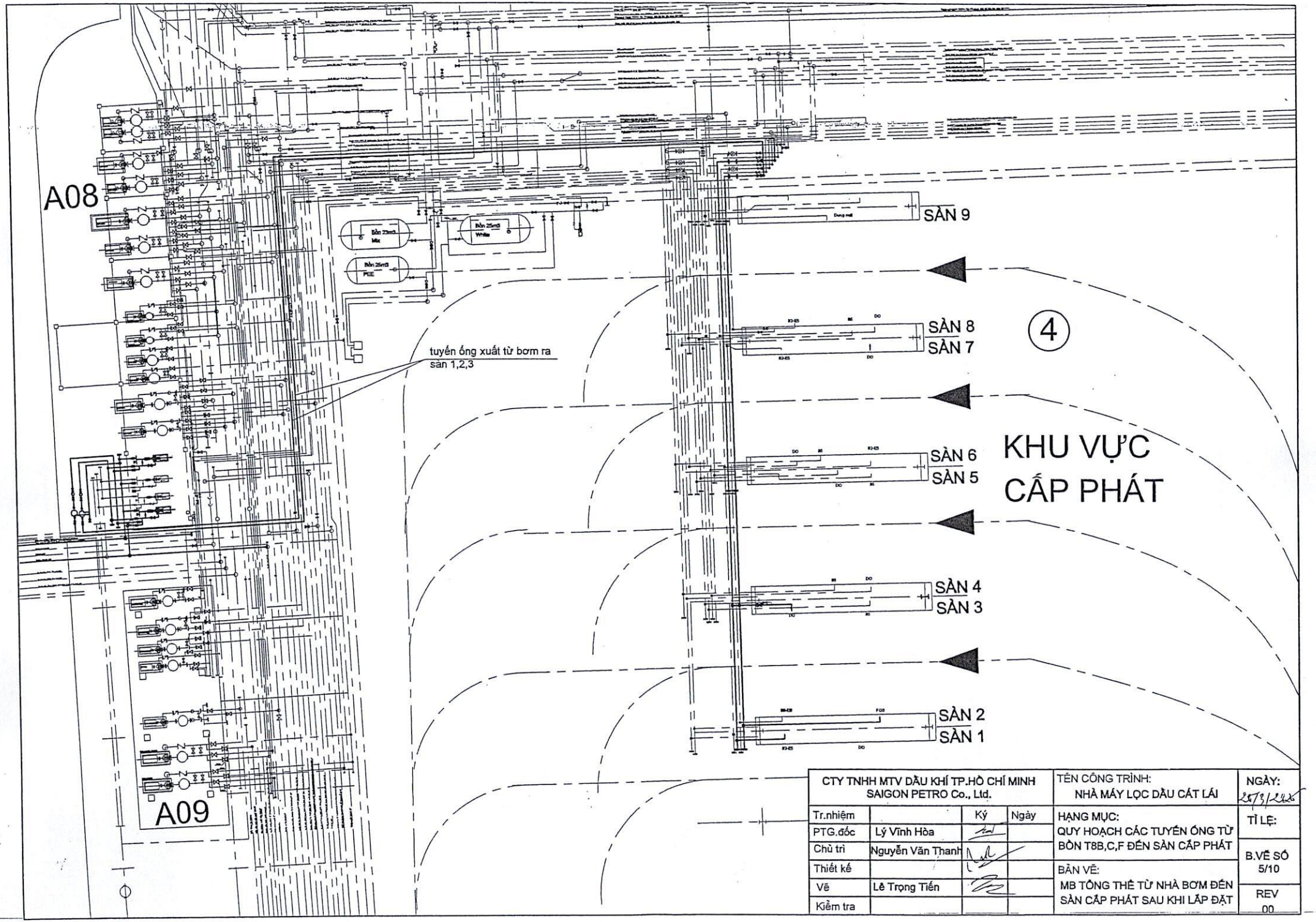
BẢNG THỐNG KÊ				
Bích mù				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	12in	m	01	
2	8in	m	01	tận dụng cũ

CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 25/3/2026
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				B.VẼ SỐ 3/10
Thiết kế				BẢN VẼ: MB TỔNG THỂ THÁO DỠ VÀ SAU CẢI TẠO TUYẾN XUẤT BỒN T8 F	
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					



BẢNG THỐNG KÊ THÁO DỠ				
ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 8in	m	18	
2	Bích mù 8"	m	01	

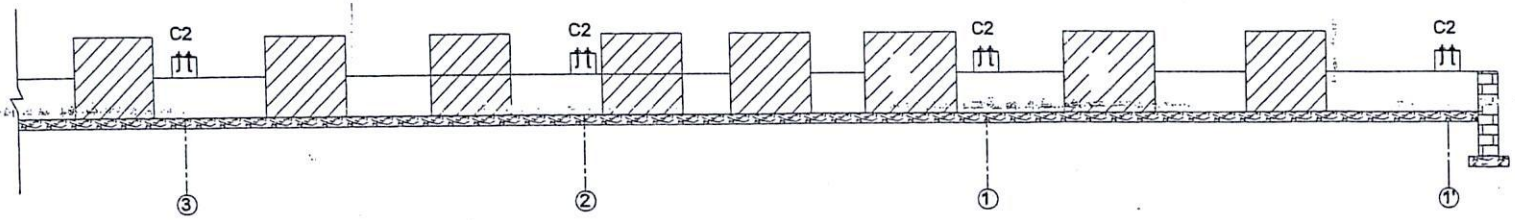
CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 20/3/2025
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				B.VẼ SỐ 4/10
Thiết kế				BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ TUYẾN XUẤT NHẬP BỒN T8C	
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					



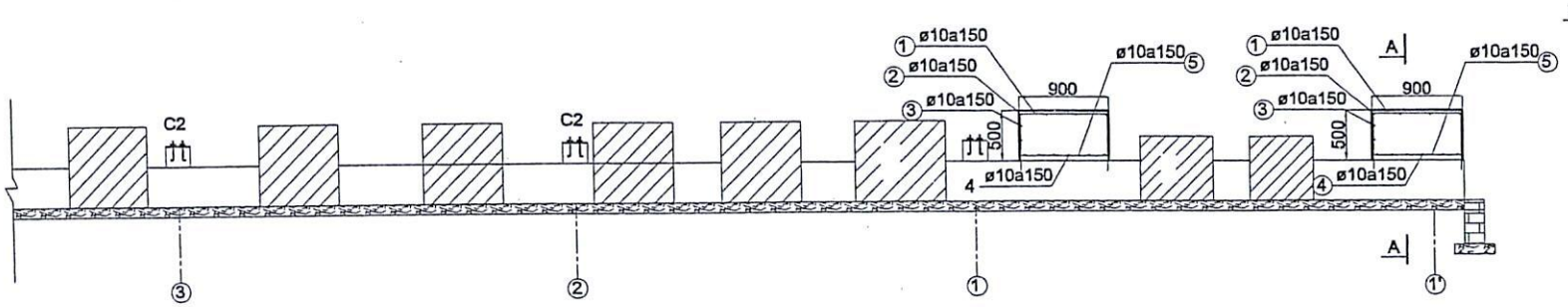
CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 25/9/2025
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				B.VẼ SỐ 5/10
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				
Thiết kế				BẢN VẼ: MB TỔNG THỂ TỪ NHÀ BƠM ĐẾN SÀN CẤP PHÁT SAU KHI LẮP ĐẶT	REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					

GHI CHÚ:

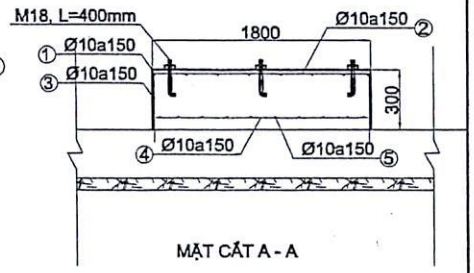
- CÁC KÍCH THƯỚC ĐƯỢC CHÍNH XÁC HÓA TẠI HIỆN TRƯỜNG.



MẶT CẮT DỌC A - A HIỆN HỮU



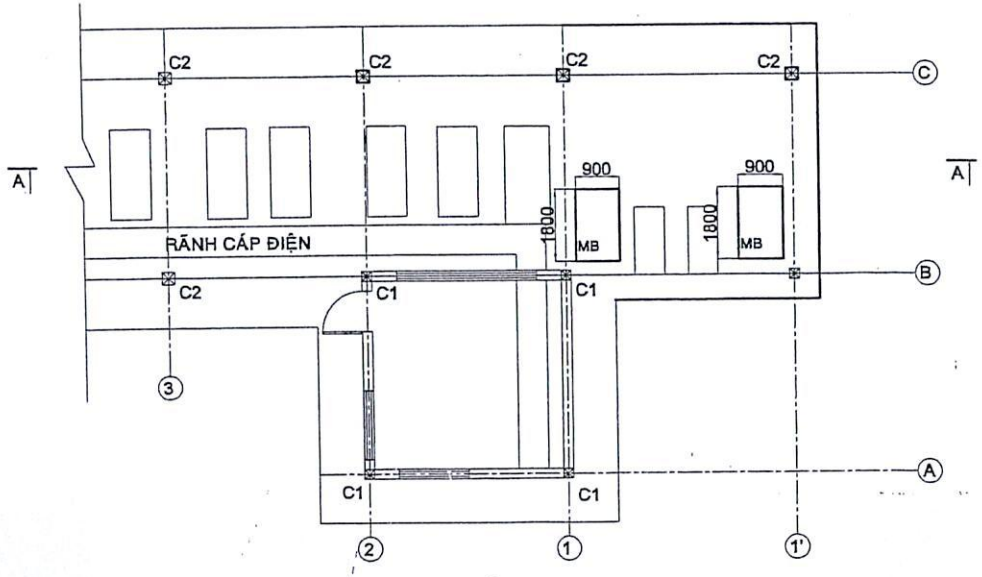
MẶT CẮT DỌC A - A SAU CẢI TẠO



MẶT CẮT A - A

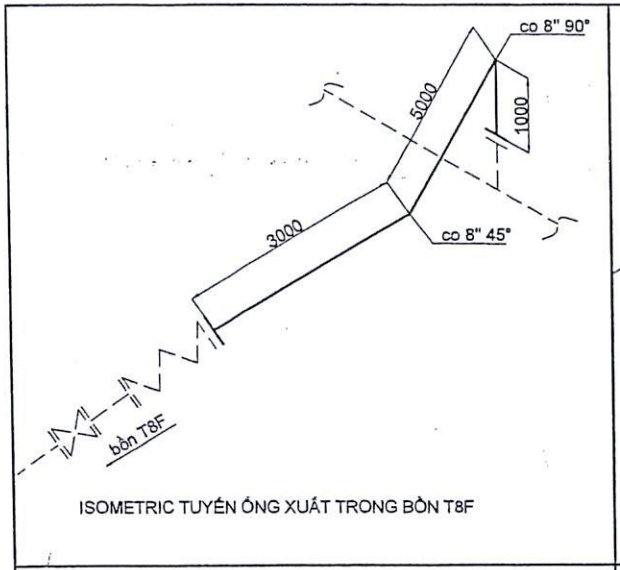
BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

Cấu kiện	Số hiệu	Hình dáng kích thước	ø	Số thanh	Chiều dài (m)		Số lượng (kg)	
					1Thanh	Toàn bộ	1 CK	Toàn bộ
MÓNG BƠM SL 1CK	1	600 850 600	10	26	2.05	52.65	1.27	32.89
	2	600 1750 600	10	14	2.95	41.3	1.82	25.48
	3	850 1750 850	10	8	5.2	41.6	3.21	25.67
	4	1750	10	14	1.75	24.5	1.08	15.12
	5	850	10	26	0.85	22.1	0.52	13.64
	6	Bu long M18, L=400mm	18			12 bộ		

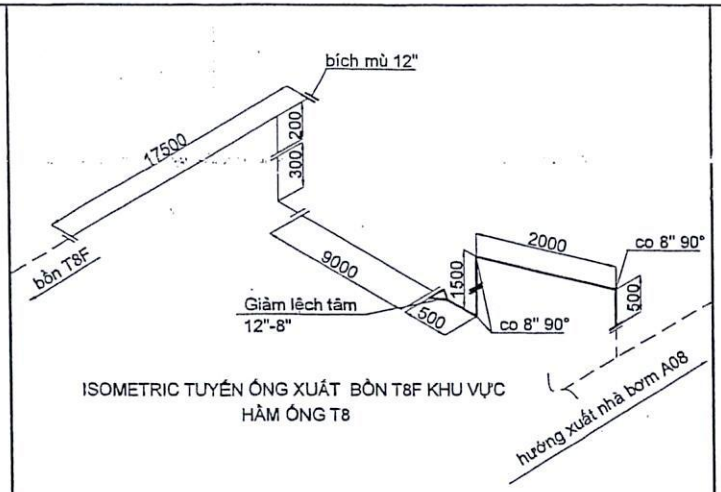


MẶT BẰNG

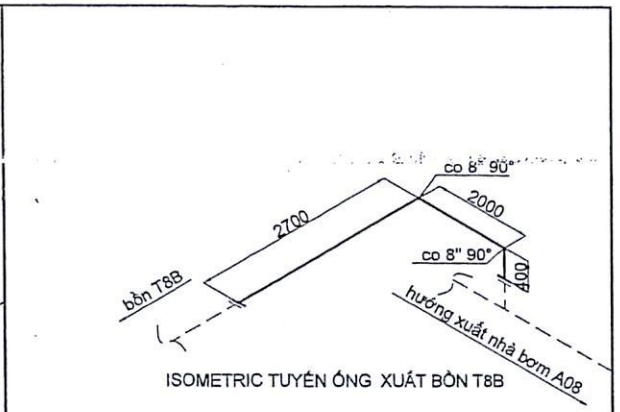
CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 26/3/2026
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				B.VẼ SỐ 6/10
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				
Thiết kế				BẢN VẼ: MẶT BẰNG, MẶT CẮT NỀN VÀ ĐẾ MÓNG BƠM	REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



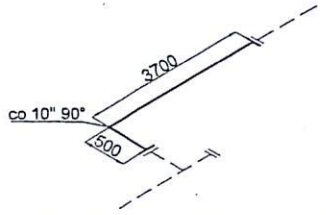
ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT TRONG BỒN T8F



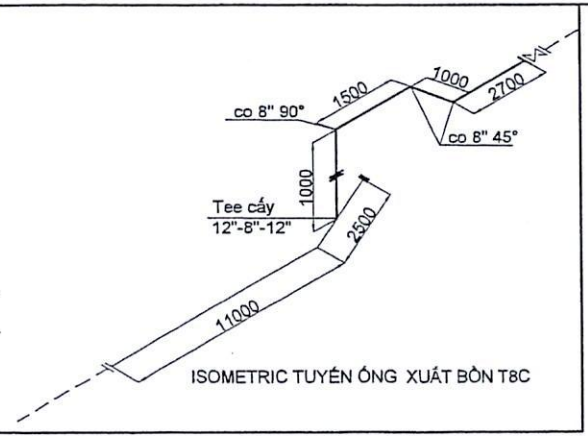
ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT BỒN T8F KHU VỰC HẦM ỐNG T8



ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT BỒN T8B



ISOMETRIC TUYẾN ỐNG KẾT NỐI NHẬP BỒN T8C



ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT BỒN T8C

BẢNG THỐNG KÊ LÀM MỚI				
ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 12in	m	40.5	tận dụng cũ
2	Ống 10in	m	4.2	
3	Ống 8in	m	24.8	
MẶT BÍCH (FLANGES) lắp với hệ thống ANSI SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Bích 12in	Cái	03	
2	Bích 10in	Cái	02	
3	Bích 8in	Cái	10	
4	Bích mù 12in	Cái	02	
TEE CẤY				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	TEE 12"-8"-12"	Cái	01	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	10in 90°	Cái	01	
2	8in 90°	Cái	07	
3	8in 45°	Cái	03	

GIẢM LỆCH TÂM				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	12in-8in	cái	01	
GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	12in	cái	07	
2	10in	cái	02	
3	8in	cái	08	
BU-LONG 8.8				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	M22x100	bộ	72	lắp 12"
2	M20x90	bộ	64	lắp 8"

Ghi chú :

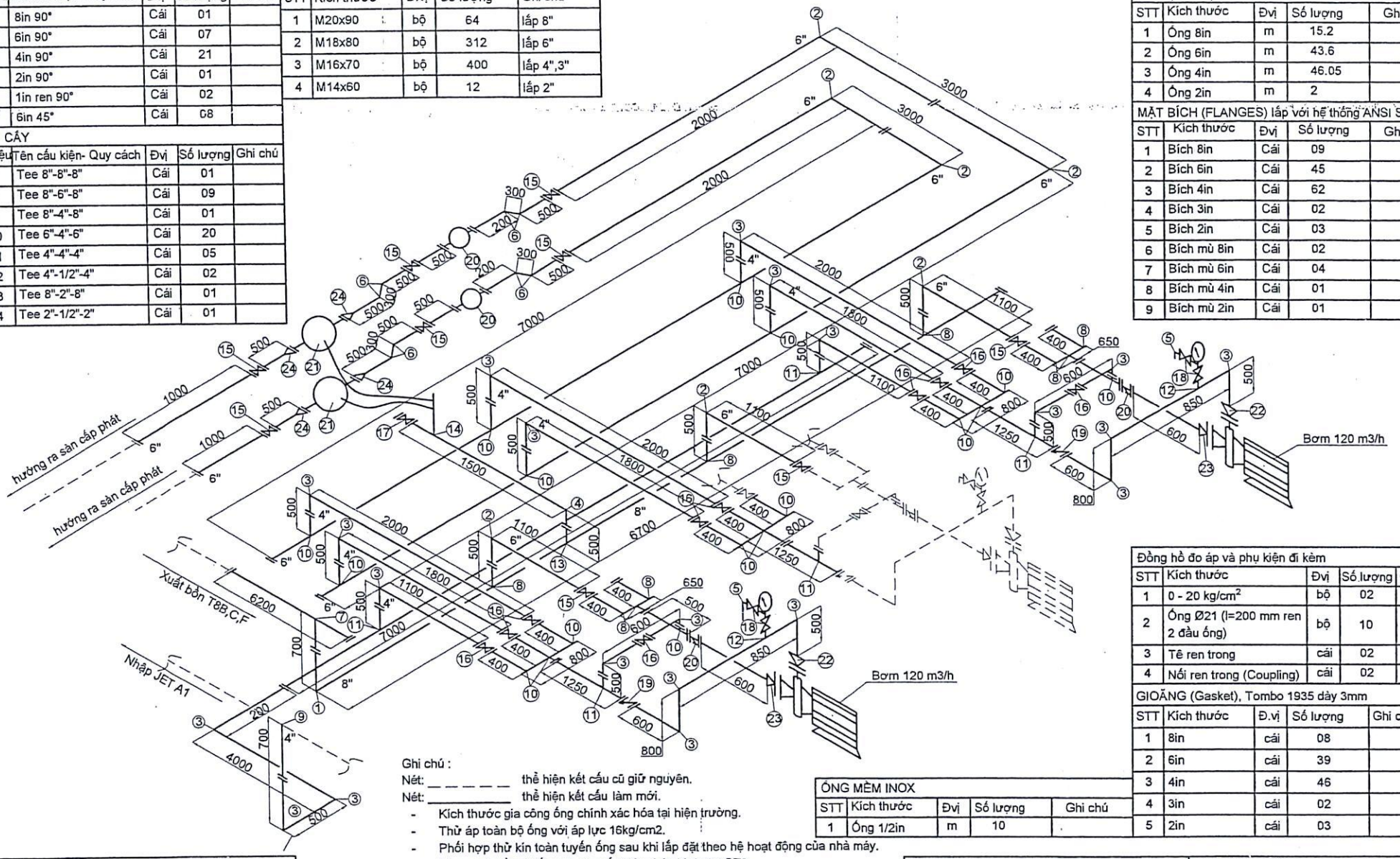
Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: ———— thể hiện kết cấu cũ tận dụng.

Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 29/5/2025
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				B.VẼ SỐ 7/10
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: ISOMETRIC CÁC TUYẾN ỐNG XUẤT NHẬP BỒN T8B,C,F	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40				
Số hiệu	Tên cấu kiện- Quy cách	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	8in 90°	Cái	01	
2	6in 90°	Cái	07	
3	4in 90°	Cái	21	
4	2in 90°	Cái	01	
5	1in ren 90°	Cái	02	
6	6in 45°	Cái	08	

TEE CÂY				
Số hiệu	Tên cấu kiện- Quy cách	Đvị	Số lượng	Ghi chú
7	Tee 8"-8"-8"	Cái	01	
8	Tee 8"-6"-8"	Cái	09	
9	Tee 8"-4"-8"	Cái	01	
10	Tee 6"-4"-6"	Cái	20	
11	Tee 4"-4"-4"	Cái	05	
12	Tee 4"-1/2"-4"	Cái	02	
13	Tee 8"-2"-8"	Cái	01	
14	Tee 2"-1/2"-2"	Cái	01	

BU-LONG 8.8				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	M20x90	bộ	64	lắp 8"
2	M18x80	bộ	312	lắp 6"
3	M16x70	bộ	400	lắp 4",3"
4	M14x60	bộ	12	lắp 2"

BANG THONG KE

ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 8in	m	15.2	
2	Ống 6in	m	43.6	
3	Ống 4in	m	46.05	
4	Ống 2in	m	2	

MẶT BÍCH (FLANGES) lắp với hệ thống ANSI SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Bích 8in	Cái	09	
2	Bích 6in	Cái	45	
3	Bích 4in	Cái	62	
4	Bích 3in	Cái	02	
5	Bích 2in	Cái	03	
6	Bích mù 8in	Cái	02	
7	Bích mù 6in	Cái	04	
8	Bích mù 4in	Cái	01	
9	Bích mù 2in	Cái	01	

Đồng hồ đo áp và phụ kiện đi kèm				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	0 - 20 kg/cm^2	bộ	02	Ø21
2	Ống Ø21 (l=200 mm ren 2 đầu ống)	bộ	10	
3	Tê ren trong	cái	02	Ø21
4	Nối ren trong (Coupling)	cái	02	Ø21

GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	8in	cái	08	
2	6in	cái	39	
3	4in	cái	46	
4	3in	cái	02	
5	2in	cái	03	

ỐNG MỀM INOX				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 1/2in	m	10	

Ghi chú :

Nét: _ _ _ _ _ thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

Nét: _____ thể hiện kết cấu làm mới.

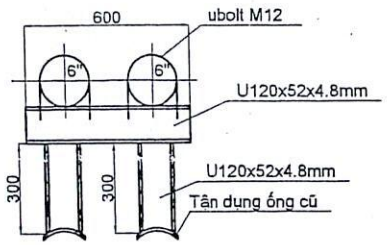
- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

VAN CỔNG (GATE VALVE)				
Số hiệu	Tên cấu kiện- Quy cách	Đvị	Số lượng	Ghi chú
15	Van cổng 6"	Cái	09	
16	Van cổng 4"	Cái	10	
17	Van cổng 2"	Cái	01	
18	Van bi tay gạt 1/2"	Cái	04	lắp ren
19	Van 1 chiều 4"	Cái	02	
20	Van lọc Y 6"	Cái	04	
21	Bộ lọc tinh 8"	bộ	02	

GIẢM (Reducers), Sch 40				
Số hiệu	Tên cấu kiện- Quy cách	Đvị	Số lượng	Ghi chú
22	Giảm lệch tâm 6"-4"	Cái	02	
23	Giảm đồng tâm 4"-3"	Cái	02	
24	Giảm đồng tâm 8"-6"	Cái	04	

CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.			
Tr.nhiệm		Ký	Ngày
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa		
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh		
Thiết kế			
Vẽ	Lê Trọng Tiến		
Kiểm tra			

TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 10/3/2026
HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG CỤM BƠM A09 LÀM MỚI	B.VẼ SỐ 8/10
	REV 00



SUPPORT S1
SL: 12 cái

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

Tên cấu kiện	Tên cấu kiện - quy cách	Đ.vị	Chiều dài 1 thanh (mm)	S.lượng	Chiều dài toàn bộ (m)	Khối lượng (kg)	
						1 đơn vị	Toàn bộ
SUPPORT S1 24 cấu kiện	Thép hình U120x52x4.8mm (9.16kg/m)	m	1200	12	14.4	9.16	131.9
	Ubolt 6" M12	Bộ		24			

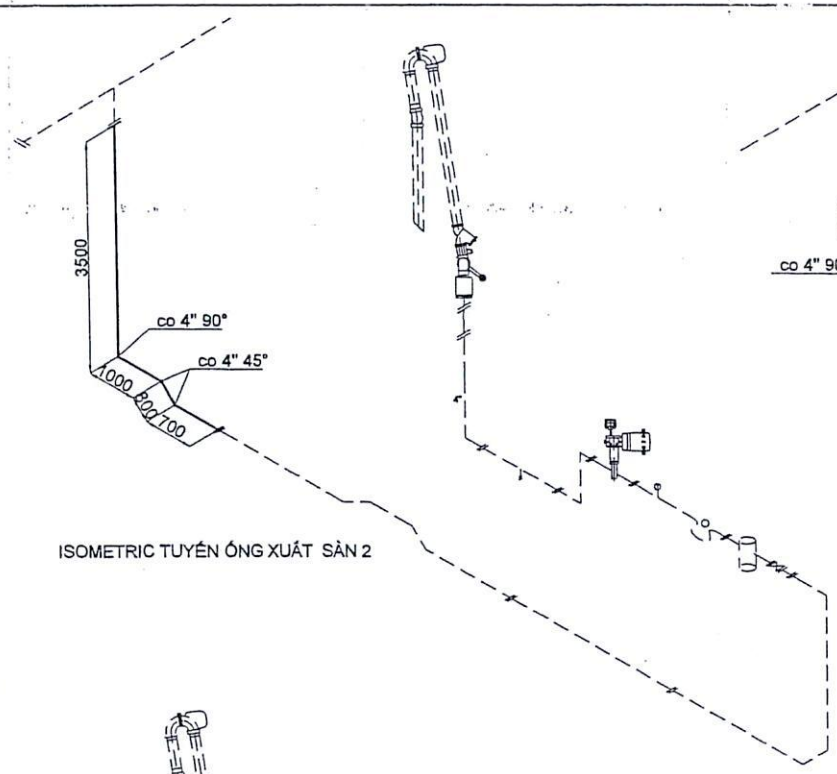
Ghi chú :
- Nét: — — — — — thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.
- Nét: ———— thể hiện kết cấu cũ tận dụng.
- Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.
- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

TUYẾN ỐNG XUẤT TỪ BƠM RA SÀN CẤP PHÁT

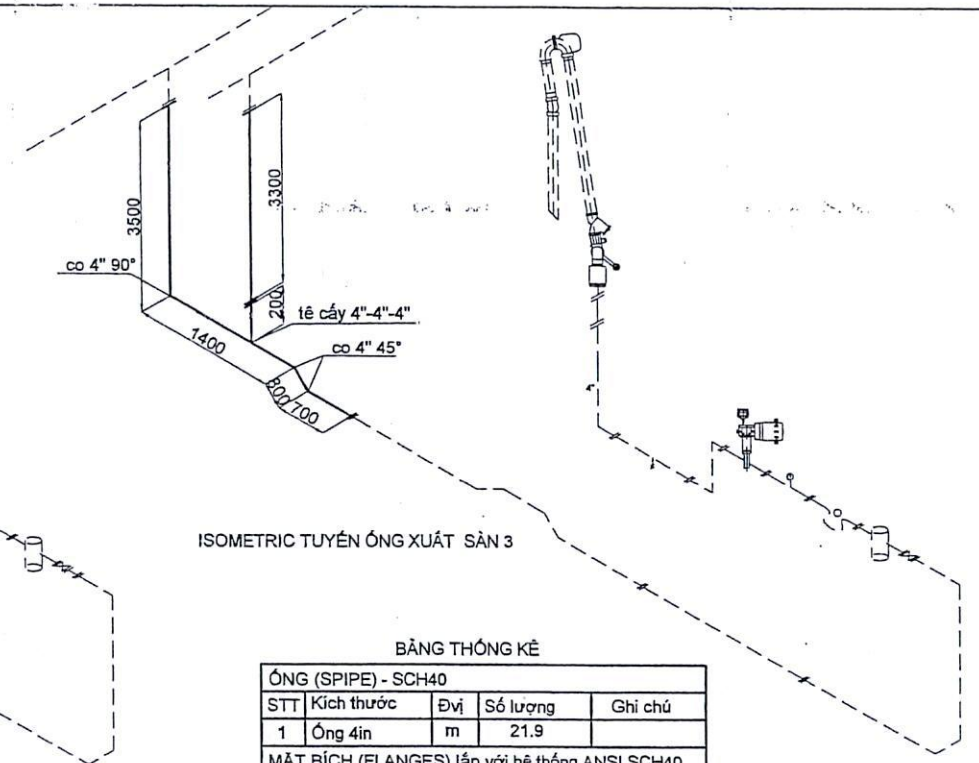
BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 6in	m	167.4	
2	Ống 6in	m	104	tận dụng cũ
3	Ống 4in	m	0.6	
4	Ống 4in	m	0.6	tận dụng cũ
MẶT BÍCH (FLANGES) lắp với hệ thống ANSI SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Bích 6in	Cái	56	
2	Bích 4in	Cái	02	
TEE CẤY				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Tee 6"-4"-6"	Cái	02	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	6in 90°	Cái	10	
GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	6in	cái	46	
BU-LONG 8.8				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	M18x80	bộ	368	lắp 6"

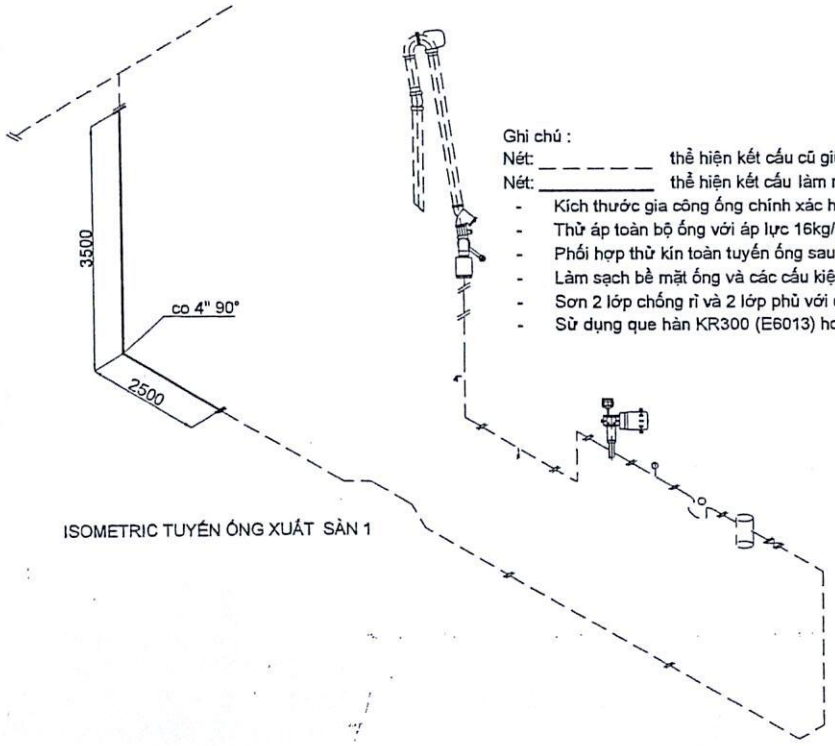
CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 20/8/2021
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh				B.VẼ SỐ 9/10
Thiết kế				BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT TỪ BƠM RA SÀN 1, 2, 3	
Vẽ	Lê Trọng Tiến				REV 00
Kiểm tra					



ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT SÀN 2



ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT SÀN 3



ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT SÀN 1

Ghi chú :

Nét: _ _ _ _ _ thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.

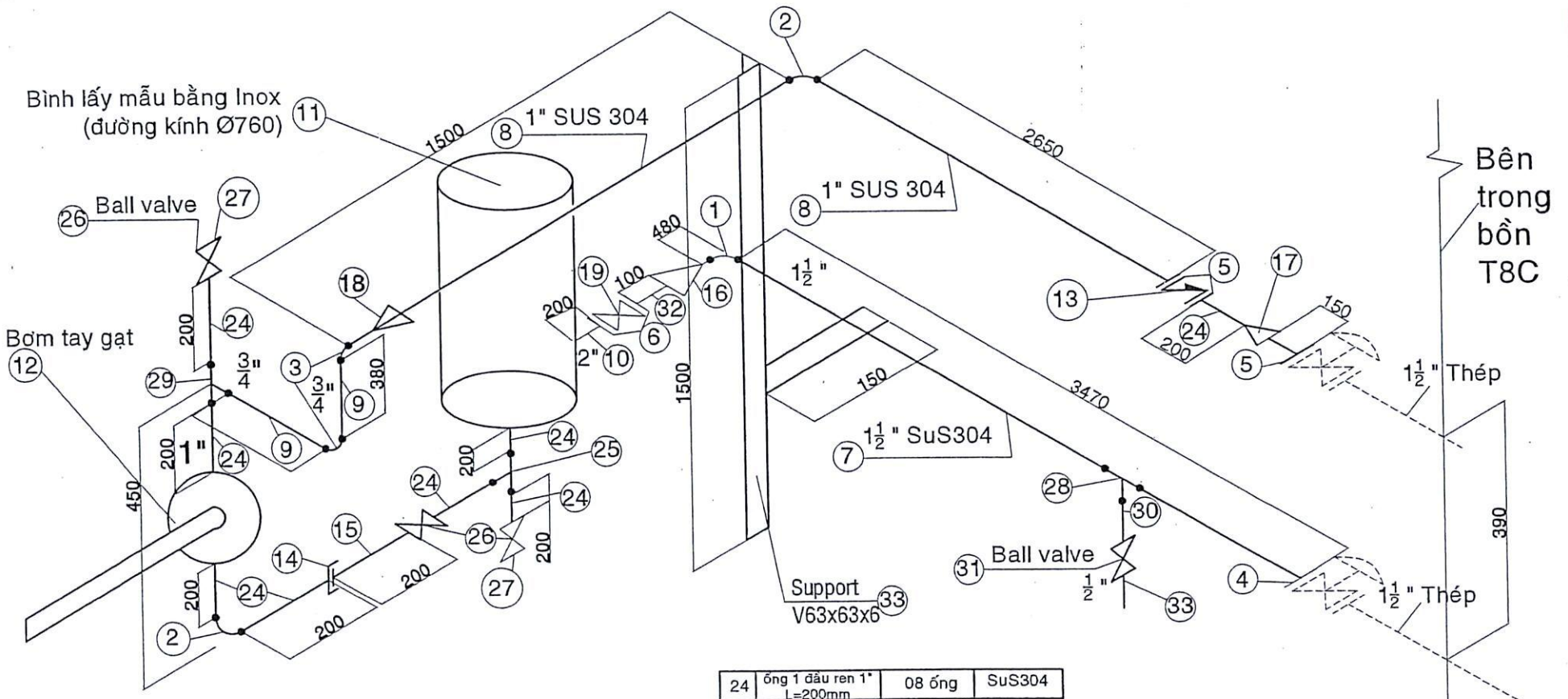
Nét: _____ thể hiện kết cấu làm mới.

- Kích thước gia công ống chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm2.
- Phối hợp thử kín toàn tuyến ống sau khi lắp đặt theo hệ hoạt động của nhà máy.
- Làm sạch bề mặt ống và các cấu kiện thép hình đạt ST2.
- Sơn 2 lớp chống rỉ và 2 lớp phủ với độ dày trung bình 40 micro cho mỗi lớp.
- Sử dụng que hàn KR300 (E6013) hoặc tương đương.

BẢNG THỐNG KÊ

ỐNG (SPIPE) - SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Ống 4in	m	21.9	
MẶT BÍCH (FLANGES) lắp với hệ thống ANSI SCH40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Bích 4in	Cái	09	
KHỚP NỐI KHUỶ, (Elbows) Sch40				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	4in 90°	Cái	03	
2	4in 45°	Cái	04	
TEE CẤY				
STT	Kích thước	Đvị	Số lượng	Ghi chú
1	Tee cấy 4"-4"-4"	Cái	01	
GIOĂNG (Gasket), Tombo 1935 dày 3mm				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	4in	cái	08	
BU-LONG 8.8				
STT	Kích thước	Đ.vị	Số lượng	Ghi chú
1	M16x70	bộ	32	lắp 4"

CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.				TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI	NGÀY: 2013/12/26
Tr.nhiệm		Ký	Ngày	HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	TỈ LỆ:
PTG.đốc	Lý Vĩnh Hòa				B.VẼ SỐ 10/10
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh			BẢN VẼ: ISOMETRIC TUYẾN ỐNG XUẤT RA SÀN 1, 2, 3	
Thiết kế					REV 00
Vẽ	Lê Trọng Tiến				
Kiểm tra					



KHỚP NỐI KHUỶU (ELBOWS)

VẬT LIỆU: API 5LGrB hoặc tương đương

STT	KÍCH THƯỚC	SCH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	1½ in (90 deg)	40	01	SuS304
2	1in (90 deg)	40	02	SuS304
3	3/4in (90 deg)	40	02	SuS304

MẶT BÍCH (FLANGES)

VẬT LIỆU: SUS304

STT	KÍCH THƯỚC	CẤP ĐỘ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
4	1½ in	ASA150#	01	SuS304
5	1in	ASA150#	03	SuS304
6	2in	ASA150#	02	SuS304

ỐNG (PIPES)

VẬT LIỆU: API 5LGrB hoặc tương đương

STT	KÍCH THƯỚC	SCH	CHIỀU DÀI	GHI CHÚ
7	Ống 1½ in	40	4.15m	SuS304
8	Ống 1in	40	4.5m	SuS304

VẬT TƯ KHÁC

STT	KÍCH THƯỚC	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
11	Bình lấy mẫu SuS 304	01 bộ	SuS304
12	Bơm tay gạt	01 bộ	Bơm mang
13	Check valve 1"	01 cái	SuS304
14	Racco ren 1"	01 cái	SuS304
15	ống 2 đầu ren 1" L=200mm	01 ống	SuS304
16	Giảm 2"-1 ½ "	01 cái	SuS304
17	Giảm 1 ½ "-1"	01 cái	SuS304
18	Giảm 1"-¾ "	01 cái	SuS304
19	Gate valve 2"	01 cái	SuS304
20	Bulong M16x70	28 bộ	SuS304
21	Gasket 2 in	2 cái	Tombo 1935
22	Gasket 1 ½ in	2 cái	Tombo 1935
23	Gasket 1 in	2 cái	Tombo 1935
9	Ống3/4in	40	0.93m	SuS304
10	Ống 2in	40	0.2m	SuS304

24	ống 1 đầu ren 1" L=200mm	08 ống	SuS304
25	Tee 1"-1"-1"	01 cái	SuS304
26	Ball valve 1"	03 cái	SuS304 ren
27	Nút bịt 1"	02 cái	SuS304
28	Tee 1½"-½"-1½"	01 cái	SuS304
29	Tee1"-3/4"-1"	01 cái	SuS304
30	ống 1 đầu ren ½" L=200mm	01 ống	SuS304
31	Ball valve ½"	01 cái	SuS304
32	ống 1 đầu ren 2" L=100mm	01 ống	SuS304
33	V63x63x6	1.65 m	

GHI CHÚ:
Nét: ---------- thể hiện kết cấu cũ giữ nguyên.
Nét: ———— thể hiện kết cấu làm mới.
Kích thước gia công được chính xác hóa tại hiện trường.
- Thử áp toàn bộ ống với áp lực 16kg/cm².
- Thử kín toàn bộ hệ thống với áp lực 10kg/cm².
- Sử dụng que hàn KST-316/316 L hoặc tương đương.
- Sử dụng tép-lông và keo hai thành phần ở các mối nối ren.

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH
SAIGON PETRO Co., Ltd.

TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI

NGÀY: 20/3/2026

		Ký	Ngày
Tr.nhiệm			
P.T Giám đốc	Lý Vĩnh Hòa		
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh		
Thiết kế			
Vẽ	Nguyễn Quốc Kiệt		
Kiểm tra			

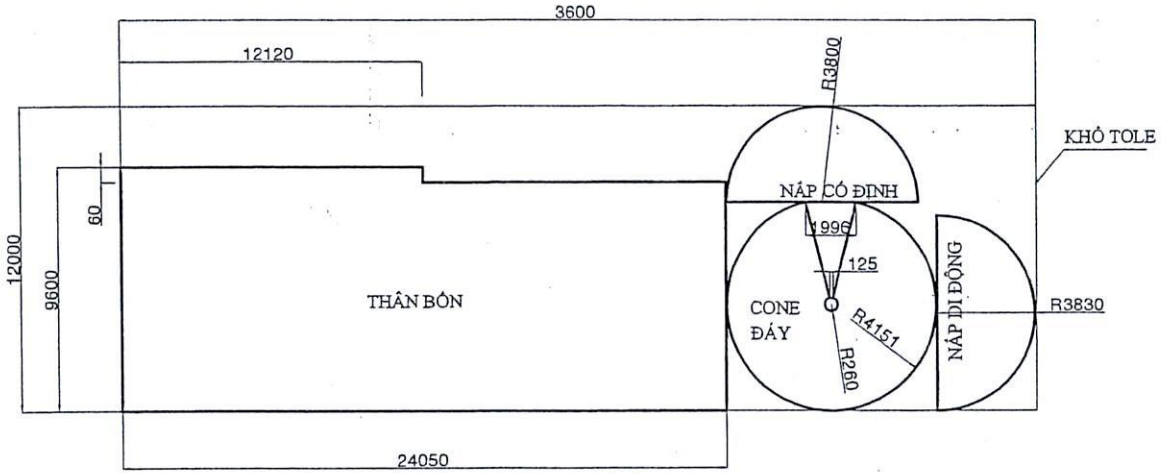
HẠNG MỤC: BÌNH LẤY MẪU BỒN T8C

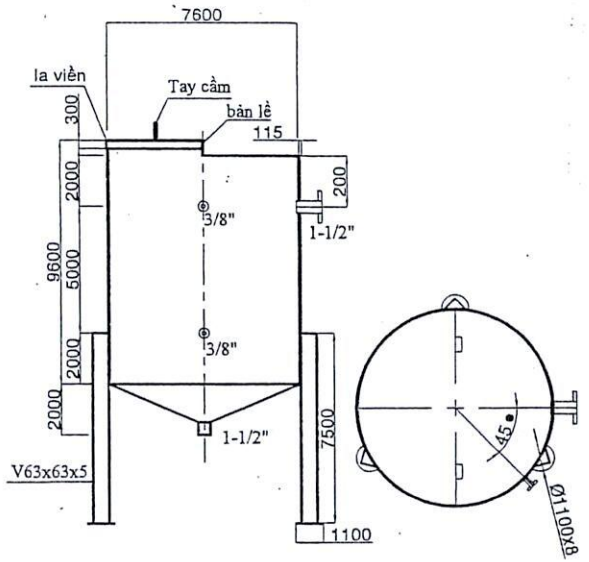
TỈ LỆ:

B.VẼ SỐ 01/01

BẢN VẼ: ISOMETRIC LẮP BÌNH TÁCH NƯỚC VÀ TUYẾN ỐNG BỒN T8C

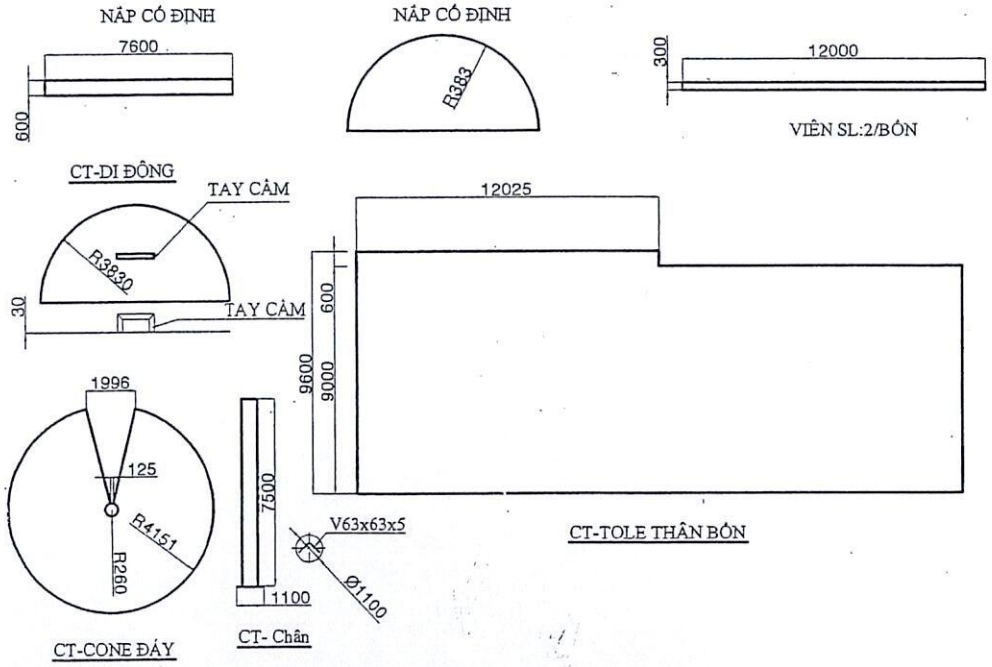
REV 00





KHỔ TOLE INOX SUS 304 1200 x 3625 m x 3 mm
SỐ LƯỢNG : 3 TẤM

	Vật tư	Kích thước	ĐVT	S.L
1	tole thân	2400x960x3	mm	1
2	tole đáy	860x860x3	mm	1
3	Nắp	390x390x3	mm	1
4	Nắp tay cầm	396x396x3	mm	1
4	la viền	1220x30x3	mm	1
5	bản lề		bộ	2
6	cổ áo+ bích	1-1/2"	bộ	1
7	Lỗ đáy	1-1/2"	bộ	1
8	Lỗ ống thuỷ	3/8"	bộ	1
9	TEA	3/8"	bộ	1
10	Chân V63x63x5	750mm	bộ	3
11	Tay cầm		bộ	1



CTY TNHH MTV DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH SAIGON PETRO Co., Ltd.			TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY LỌC DẦU CẦT LÍ
Tr.nhiệm		KÍ	Ngày
PTG.đốc	Lí Vĩnh Hịa		
Chủ trì	Nguyễn Văn Thanh		
Thiết kế			
Vẽ	Nguyễn Quốc Kiệt		
Kiểm tra			

HẠNG MỤC: QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ỐNG TỪ BỒN T8B,C,F ĐẾN SÀN CẤP PHÁT	
BẢN VẼ: CHI TIẾT BÌNH LẤY MẪU BỒN T8C	

NGÀY: 20/03/2026	
TỈ LỆ:	
B.VẼ SỐ 1/1	
REV 00	